VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 05/2019/TT-BTNMT ngày 28 tháng 6 năm 2019 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nam Định

(Tiếp theo Công báo số 673 + 674)

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NAM ĐỊNH

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NAM ĐỊNH

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đông Trung Thắng	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 20' 23"	106° 14' 45"					F-48-93-A-d
xóm Ân Thái	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 20' 13"	106° 14' 28"					F-48-93-A-d
xóm Đoài Bàng	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 20' 29"	106° 14' 03"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đông Bình	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 19' 37"	106° 14' 17"					F-48-93-A-d
xóm Đông Thành	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 19' 47"	106° 14' 51"					F-48-93-A-d
xóm Hồng An	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 20' 36"	106° 14' 21"					F-48-93-A-d
xóm Hồng Cát	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 20' 53"	106° 14' 30"					F-48-93-A-d
xóm Hồng Đại	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 21' 07"	106° 14' 38"					F-48-93-A-d
xóm Hồng Đoàn	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 21' 07"	106° 14' 49"					F-48-93-A-d
xóm Hồng Long 1	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 20' 50"	106° 14' 08"					F-48-93-A-d
xóm Hồng Long 2	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 20' 48"	106° 14' 03"					F-48-93-A-d
xóm Hồng Ninh	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 20' 16"	106° 14' 10"					F-48-93-A-d
xóm Hồng Phong	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 20' 20"	106° 14' 12"					F-48-93-A-d
xóm Hồng Tiến	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 21' 31"	106° 14' 59"					F-48-93-A-d
xóm Nam Việt	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 20' 20"	106° 14' 39"					F-48-93-A-d
xóm Phúc Đức	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 20' 36"	106° 14' 03"					F-48-93-A-d
xóm Tây Bình	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 19' 36"	106° 14' 10"					F-48-93-A-d
xóm Thịnh Phú	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 19' 49"	106° 14' 43"					F-48-93-A-d
xóm Thượng Phú	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 20' 57"	106° 14' 47"					F-48-93-A-d
xóm Tiền Làng	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 19' 42"	106° 14' 48"					F-48-93-A-d
xóm Trung Thịnh	DC	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 19' 39"	106° 14' 34"					F-48-93-A-d
Cầu Khâm	KX	xã Nam Hồng	H. Nam Trực	20° 21' 26"	106° 14' 57"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 485B	KX	xã Nam Hồng	H. Nam Trực			20° 20' 57"	106° 14' 41"	20° 20' 12"	106° 10' 10"	F-48-93-A-d
Đường tỉnh 487B	KX	xã Nam Hồng	H. Nam Trực			20° 21' 24"	106° 14' 58"	20° 17' 16"	106° 08' 42"	F-48-93-A-d
Quốc lộ 21	KX	xã Nam Hồng	H. Nam Trực			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-d, F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hồng	TV	xã Nam Hồng	H. Nam Trực			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-A-d, F-48-93-B-c
xóm Cầu Chanh	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 20' 49"	106° 12' 34"					F-48-93-A-d
xóm Điện An	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 19' 45"	106° 12' 38"					F-48-93-A-d
xóm Đông Cổ Tung	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 20' 34"	106° 12' 17"					F-48-93-A-d
xóm Đông Nam	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 20' 46"	106° 12' 58"					F-48-93-A-d
xóm Giữa Cổ Tung	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 20' 34"	106° 12' 07"					F-48-93-A-d
Xóm May	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 20' 53"	106° 12' 53"					F-48-93-A-d
xóm Minh Tâm	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 19' 51"	106° 12' 17"					F-48-93-A-d
xóm Minh Thọ	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 19' 53"	106° 12' 09"					F-48-93-A-d
xóm Minh Tiến	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 19' 53"	106° 12' 22"					F-48-93-A-d
Xóm Nam	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 20' 47"	106° 12' 52"					F-48-93-A-d
xóm Nghĩa Kế	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 20' 40"	106° 13' 18"					F-48-93-A-d
xóm Phố Cầu	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 20' 31"	106° 12' 35"					F-48-93-A-d
xóm Rục Kiều	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 21' 08"	106° 12' 57"					F-48-93-A-d
Xóm Tạo	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 21' 02"	106° 12' 42"					F-48-93-A-d
xóm Tây Cổ Tung	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 20' 35"	106° 12' 01"					F-48-93-A-d
xóm Trên Làng	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 21' 01"	106° 12' 59"					F-48-93-A-d
xóm Vượt Đông	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 20' 51"	106° 13' 03"					F-48-93-A-d
xóm Xuân Lôi	DC	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 21' 03"	106° 13' 11"					F-48-93-A-d
chùa Cổ Gia	KX	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 20' 49"	106° 12' 48"					F-48-93-A-d
chùa Cổ Tung	KX	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 20' 32"	106° 12' 04"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Thọ Tung	KX	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 19' 48"	106° 12' 10"					F-48-93-A-d
đền Thọ Tung	KX	xã Nam Hùng	H. Nam Trực	20° 19' 48"	106° 12' 12"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 485B	KX	xã Nam Hùng	H. Nam Trực			20° 20' 57"	106° 14' 41"	20° 20' 12"	106° 10' 10"	F-48-93-A-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Nam Hùng	H. Nam Trực			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-d
sông Châu Thành	TV	xã Nam Hùng	H. Nam Trực			20° 25' 09"	106° 12' 37"	20° 16' 54"	106° 13' 18"	F-48-93-A-d
thôn Bằng Hưng	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 17' 55"	106° 13' 50"					F-48-93-A-d
thôn Đô Hạ	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 18' 42"	106° 13' 51"					F-48-93-A-d
thôn Đô Thượng	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 18' 59"	106° 13' 52"					F-48-93-A-d
thôn Đồng Bản	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 17' 08"	106° 15' 09"					F-48-93-B-c
thôn Liên Bách	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 18' 40"	106° 14' 07"					F-48-93-A-d
thôn Nam Hưng	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 18' 02"	106° 13' 36"					F-48-93-A-d
thôn Quần Lao	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 18' 10"	106° 13' 50"					F-48-93-A-d
thôn Trung Hạ	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 18' 32"	106° 13' 38"					F-48-93-A-d
thôn Vĩnh Thượng	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 19' 04"	106° 13' 30"					F-48-93-A-d
xóm 1 Biên Hòa	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 17' 02"	106° 14' 51"					F-48-93-A-d
xóm 1 Đô Đò	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 19' 35"	106° 13' 54"					F-48-93-A-d
xóm 1 Đô Quan	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 18' 46"	106° 14' 01"					F-48-93-A-d
xóm 1 Duyên Hưng	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 17' 59"	106° 14' 09"					F-48-93-A-d
xóm 1 Ngọc Tỉnh	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 18' 01"	106° 14' 41"					F-48-93-A-d
xóm 2 Biên Hòa	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 17' 03"	106° 14' 55"					F-48-93-A-d
xóm 2 Đô Đò	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 19' 57"	106° 13' 37"					F-48-93-A-d
xóm 2 Đô Quan	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 18' 37"	106° 13' 58"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 2 Duyên Hưng	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 17' 56"	106° 14' 16"					F-48-93-A-d
xóm 2 Ngọc Tỉnh	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 17' 55"	106° 14' 46"					F-48-93-A-d
xóm 3 Duyên Hưng	DC	xã Nam Lợi	H. Nam Trực	20° 17' 57"	106° 14' 23"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 487	KX	xã Nam Lợi	H. Nam Trực			20° 20' 08"	106° 17' 58"	20° 15' 18"	106° 07' 11"	F-48-93-A-d
Sông Quýt (sông Cổ Lễ - Bà Lữ)	TV	xã Nam Lợi	H. Nam Trực			20° 15' 24"	106° 14' 15"	20° 19' 35"	106° 15' 45"	F-48-93-A-d, F-48-93-B-c
xóm Đại Thắng	DC	xã Nam Mỹ	H. Nam Trực	20° 24' 25"	106° 12' 00"					F-48-93-A-b
xóm Đồng Ích	DC	xã Nam Mỹ	H. Nam Trực	20° 24' 53"	106° 12' 25"					F-48-93-A-b
xóm Đồng Tâm	DC	xã Nam Mỹ	H. Nam Trực	20° 24' 21"	106° 11' 47"					F-48-93-A-b
xóm Quyết Tiến	DC	xã Nam Mỹ	H. Nam Trực	20° 24' 59"	106° 11' 53"					F-48-93-A-b
xóm Tân Dân	DC	xã Nam Mỹ	H. Nam Trực	20° 24' 07"	106° 12' 06"					F-48-93-A-b
xóm Tiền Phong 1	DC	xã Nam Mỹ	H. Nam Trực	20° 24' 31"	106° 12' 33"					F-48-93-A-b
xóm Tiền Phong 2	DC	xã Nam Mỹ	H. Nam Trực	20° 24' 25"	106° 12' 20"					F-48-93-A-b
xóm Trung Thành	DC	xã Nam Mỹ	H. Nam Trực	20° 23' 55"	106° 12' 14"					F-48-93-A-b
cầu Vô Hoạn	KX	xã Nam Mỹ	H. Nam Trực	20° 24' 05"	106° 11' 55"					F-48-93-A-b
Quốc lộ 21	KX	xã Nam Mỹ	H. Nam Trực			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21B	KX	xã Nam Mỹ	H. Nam Trực			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-b
sông Châu Thành	TV	xã Nam Mỹ	H. Nam Trực			20° 25' 09"	106° 12' 37"	20° 16' 54"	106° 13' 18"	F-48-93-A-b
thôn Du Tư	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 17' 35"	106° 15' 17"					F-48-93-B-c
thôn Duyên Giang	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 19' 57"	106° 15' 06"					F-48-93-A-d
thôn Long Hưng	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 18' 14"	106° 14' 48"					F-48-93-A-d
thôn Phú Cường	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 18' 48"	106° 14' 49"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Quần Trà	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 19' 18"	106° 15' 10"					F-48-93-B-c
thôn Tân Giang	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 19' 36"	106° 15' 34"					F-48-93-B-c
thôn Thượng Lao	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 19' 16"	106° 15' 02"					F-48-93-B-c
thôn Trung Thắng	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 19' 05"	106° 14' 53"					F-48-93-A-d
thôn Tương Nam	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 19' 23"	106° 15' 32"					F-48-93-B-c
thôn Xối Trì	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 18' 16"	106° 15' 05"					F-48-93-B-c
xóm 1 Bình Yên	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 19' 06"	106° 14' 29"					F-48-93-A-d
xóm 1 Hồng Phong	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 18' 11"	106° 15' 22"					F-48-93-B-c
xóm 1 Quyết Tiến	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 17' 55"	106° 15' 27"					F-48-93-B-c
xóm 1 Rạng Đông	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 18' 06"	106° 15' 13"					F-48-93-B-c
xóm 1 Thôn Nội	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 19' 38"	106° 15' 08"					F-48-93-A-d
xóm 1 Xối Tây	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 18' 25"	106° 14' 38"					F-48-93-A-d
xóm 2 Bình Yên	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 18' 59"	106° 14' 23"					F-48-93-A-d
xóm 2 Hồng Phong	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 18' 04"	106° 15' 31"					F-48-93-B-c
xóm 2 Quyết Tiến	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 17' 55"	106° 15' 33"					F-48-93-B-c
xóm 2 Rạng Đông	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 18' 08"	106° 15' 17"					F-48-93-B-c
xóm 2 Thôn Nội	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 19' 43"	106° 15' 15"					F-48-93-A-d
xóm 2 Xối Tây	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 18' 19"	106° 14' 37"					F-48-93-A-d
xóm 3 Xối Tây	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 18' 22"	106° 14' 43"					F-48-93-A-d
bến khách ngang sông Nam Thanh	KX	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 19' 54"	106° 15' 15"					F-48-93-B-c
đền Thượng Lao	KX	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 19' 16"	106° 14' 58"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Xối Thượng	KX	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 18' 58"	106° 14' 52"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 487	KX	xã Nam Thanh	H. Nam Trực			20° 20' 08"	106° 17' 58"	20° 15' 18"	106° 07' 11"	F-48-93-A-d, F-48-93-B-c
Quốc lộ 21	KX	xã Nam Thanh	H. Nam Trực			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-B-c
cống Cổ Lễ	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Trực	20° 19' 33"	106° 15' 43"					F-48-93-B-c
Sông Hồng	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Trực			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-c
Sông Quýt (sông Cổ Lễ - Bà Lữ)	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Trực			20° 15' 24"	106° 14' 15"	20° 19' 35"	106° 15' 45"	F-48-93-A-d, F-48-93-B-c
thôn Chính Trang	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 16' 29"	106° 11' 23"					F-48-93-A-d
thôn Đắc Sở	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 16' 44"	106° 11' 41"					F-48-93-A-d
thôn Hải Hạ	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 15' 55"	106° 11' 07"					F-48-93-A-d
thôn Hải Thượng	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 16' 18"	106° 11' 03"					F-48-93-A-d
thôn Khánh Hạ	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 16' 06"	106° 12' 06"					F-48-93-A-d
thôn Khánh Thượng	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 16' 40"	106° 12' 12"					F-48-93-A-d
thôn Lạc Thiện	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 16' 46"	106° 11' 18"					F-48-93-A-d
thôn Nam Trang	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 16' 40"	106° 11' 42"					F-48-93-A-d
thôn Ngoại Đê	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 16' 19"	106° 12' 28"					F-48-93-A-d
thôn Phú Hào	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 16' 40"	106° 12' 22"					F-48-93-A-d
thôn Phú Thọ	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 15' 39"	106° 10' 34"					F-48-93-A-d
thôn Phú Thụ	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 15' 30"	106° 10' 28"					F-48-93-A-d
thôn Tân Hưng	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 16' 15"	106° 10' 39"					F-48-93-A-d
thôn Thạch Bi	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 15' 41"	106° 10' 25"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Tiền Vinh	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 17' 02"	106° 11' 38"					F-48-93-A-d
thôn Trại Hạ	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 16' 01"	106° 11' 00"					F-48-93-A-d
thôn Trung Nghĩa	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 15' 48"	106° 10' 49"					F-48-93-A-d
thôn Trung Thái	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 15' 40"	106° 10' 38"					F-48-93-A-d
thôn Vinh Thọ	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 16' 29"	106° 11' 45"					F-48-93-A-d
thôn Xuân Dương	DC	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 16' 50"	106° 12' 30"					F-48-93-A-d
Cầu Tây	KX	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 15' 12"	106° 10' 33"					F-48-93-A-d
cầu Thạch Bi	KX	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 15' 58"	106° 10' 21"					F-48-93-A-d
đền Tiền Vinh	KX	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 17' 04"	106° 11' 34"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nam Thái	H. Nam Trực			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-A-d
từ đường Họ Phạm	KX	xã Nam Thái	H. Nam Trực	20° 15' 53"	106° 11' 10"					F-48-93-A-d
sông Rõng	TV	xã Nam Thái	H. Nam Trực			20° 16' 54"	106° 13' 18"	20° 12' 34"	106° 11' 41"	F-48-93-A-d
xóm 1 Bồng Lai	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 15"	106° 16' 22"					F-48-93-B-a
xóm 1 Thắng Hùng	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 40"	106° 16' 13"					F-48-93-B-a
xóm 1 Thắng Lợi	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 42"	106° 15' 59"					F-48-93-B-a
xóm 2 Bồng Lai	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 04"	106° 16' 18"					F-48-93-B-a
xóm 2 Thắng Hùng	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 37"	106° 16' 20"					F-48-93-B-a
xóm 2 Thắng Lợi	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 31"	106° 15' 56"					F-48-93-B-a
xóm Dương Bình	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 34"	106° 14' 40"					F-48-93-A-b
xóm Dương Hòa	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 22' 57"	106° 15' 56"					F-48-93-B-a
xóm Dương Phú	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 37"	106° 14' 32"					F-48-93-A-b
xóm Dương Thắng	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 24"	106° 14' 33"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Dương Thành	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 42"	106° 14' 48"					F-48-93-A-b
xóm Dương Xuân	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 26"	106° 14' 47"					F-48-93-A-b
Xóm Mới	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 29"	106° 16' 11"					F-48-93-B-a
xóm Thắng An	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 48"	106° 15' 42"					F-48-93-B-a
xóm Thắng Dũng	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 58"	106° 15' 58"					F-48-93-B-a
xóm Thắng Toàn	DC	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 31"	106° 16' 23"					F-48-93-B-a
bến khách ngang sông Bồng Lai	KX	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 22' 49"	106° 16' 47"					F-48-93-B-a
Đền thờ Trạng nguyên Nguyễn Hiền	KX	xã Nam Thắng	H. Nam Trực	20° 23' 31"	106° 14' 39"					F-48-93-A-b
Sông Hồng	TV	xã Nam Thắng	H. Nam Trực			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-a
xóm 1 Cổ Giả	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 18' 04"	106° 13' 20"					F-48-93-A-d
xóm 2 Cổ Giả	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 18' 09"	106° 13' 14"					F-48-93-A-d
xóm 3 An Nông	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 54"	106° 13' 10"					F-48-93-A-d
xóm 4 An Nông	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 53"	106° 13' 04"					F-48-93-A-d
xóm 5 An Nông	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 58"	106° 12' 55"					F-48-93-A-d
xóm 6 Thạch Cầu	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 18' 00"	106° 12' 29"					F-48-93-A-d
xóm 7 Thạch Cầu	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 55"	106° 12' 37"					F-48-93-A-d
xóm 8 Thạch Cầu	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 53"	106° 12' 30"					F-48-93-A-d
xóm 9 Thạch Cầu	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 49"	106° 12' 33"					F-48-93-A-d
xóm 10 Đồng Quỹ	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 51"	106° 12' 25"					F-48-93-A-d
xóm 11 Đồng Quỹ	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 53"	106° 12' 16"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 12 Đồng Quỹ	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 57"	106° 12' 22"					F-48-93-A-d
xóm 13 Đồng Quỹ	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 18' 04"	106° 12' 17"					F-48-93-A-d
xóm 14 Đồng Quỹ	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 18' 00"	106° 12' 13"					F-48-93-A-d
xóm 15 Đồng Quỹ	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 59"	106° 12' 09"					F-48-93-A-d
xóm 16 Đồng Quỹ	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 45"	106° 12' 11"					F-48-93-A-d
xóm 17 Đồng Quỹ	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 53"	106° 12' 03"					F-48-93-A-d
xóm 18 Đạo Quỹ	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 50"	106° 11' 58"					F-48-93-A-d
xóm 19 Đạo Quỹ	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 46"	106° 12' 00"					F-48-93-A-d
xóm 20 Nam Trực	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 46"	106° 11' 49"					F-48-93-A-d
xóm 21 Nam Trực	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 53"	106° 11' 46"					F-48-93-A-d
xóm 22 Nam Trực	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 45"	106° 11' 43"					F-48-93-A-d
xóm 23 Nam Trực	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 50"	106° 11' 39"					F-48-93-A-d
xóm 24 Nam Trực	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 41"	106° 11' 32"					F-48-93-A-d
xóm 25 Lạc Chính	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 46"	106° 11' 20"					F-48-93-A-d
xóm 26 Lạc Chính	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 43"	106° 11' 12"					F-48-93-A-d
xóm 27 Lạc Chính	DC	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 38"	106° 11' 16"					F-48-93-A-d
chùa Đạo Quỹ	KX	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 54"	106° 11' 53"					F-48-93-A-d
chùa Lạc Chính	KX	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 46"	106° 11' 11"					F-48-93-A-d
đền Đồng Quỹ	KX	xã Nam Tiến	H. Nam Trực	20° 17' 53"	106° 12' 08"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 487	KX	xã Nam Tiến	H. Nam Trực			20° 20' 08"	106° 17' 58"	20° 15' 18"	106° 07' 11"	F-48-93-A-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Nam Tiến	H. Nam Trực			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-d
sông Châu Thành	TV	xã Nam Tiến	H. Nam Trực			20° 25' 09"	106° 12' 37"	20° 16' 54"	106° 13' 18"	F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 1	DC	xã Nam Toàn	H. Nam Trực	20° 24' 06"	106° 11' 52"					F-48-93-A-b
Xóm 2	DC	xã Nam Toàn	H. Nam Trực	20° 23' 42"	106° 11' 53"					F-48-93-A-b
Xóm 3	DC	xã Nam Toàn	H. Nam Trực	20° 23' 38"	106° 11' 49"					F-48-93-A-b
Xóm 4	DC	xã Nam Toàn	H. Nam Trực	20° 23' 28"	106° 11' 48"					F-48-93-A-b
Xóm 5	DC	xã Nam Toàn	H. Nam Trực	20° 23' 13"	106° 11' 50"					F-48-93-A-b
Xóm 6	DC	xã Nam Toàn	H. Nam Trực	20° 23' 07"	106° 11' 53"					F-48-93-A-b
Xóm 7	DC	xã Nam Toàn	H. Nam Trực	20° 23' 06"	106° 11' 46"					F-48-93-A-b
Xóm 8	DC	xã Nam Toàn	H. Nam Trực	20° 22' 56"	106° 11' 40"					F-48-93-A-b
Xóm 9	DC	xã Nam Toàn	H. Nam Trực	20° 23' 03"	106° 11' 07"					F-48-93-A-b
cầu An Lá	KX	xã Nam Toàn	H. Nam Trực	20° 23' 04"	106° 10' 42"					F-48-93-A-b
cầu Vô Hoạn	KX	xã Nam Toàn	H. Nam Trực	20° 24' 05"	106° 11' 55"					F-48-93-A-b
đường Lê Đức Thọ	KX	xã Nam Toàn	H. Nam Trực			20° 24' 08"	106° 09' 01"	20° 23' 53"	106° 12' 03"	F-48-93-A-b
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nam Toàn	H. Nam Trực			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21	KX	xã Nam Toàn	H. Nam Trực			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21B	KX	xã Nam Toàn	H. Nam Trực			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-b
Xóm 1	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 24' 10"	106° 10' 21"					F-48-93-A-b
Xóm 2	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 24' 00"	106° 10' 25"					F-48-93-A-b
Xóm 3	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 23' 57"	106° 10' 16"					F-48-93-A-b
Xóm 4	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 23' 29"	106° 10' 17"					F-48-93-A-b
Xóm 5	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 23' 30"	106° 10' 02"					F-48-93-A-b
Xóm 6	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 23' 42"	106° 10' 02"					F-48-93-A-b
Xóm 7	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 23' 23"	106° 09' 40"					F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 8	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 23' 26"	106° 10' 08"					F-48-93-A-b
Xóm 9	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 22' 58"	106° 10' 14"					F-48-93-A-b
Xóm 10	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 22' 48"	106° 10' 13"					F-48-93-A-b
Xóm 11	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 22' 58"	106° 10' 08"					F-48-93-A-b
Xóm 12	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 22' 48"	106° 10' 08"					F-48-93-A-b
Xóm 13	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 23' 13"	106° 09' 40"					F-48-93-A-b
Xóm 14	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 22' 52"	106° 09' 31"					F-48-93-A-b
Xóm 15	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 22' 44"	106° 09' 25"					F-48-93-A-b
Xóm 16	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 22' 26"	106° 09' 20"					F-48-93-A-d
Xóm 17	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 22' 14"	106° 09' 52"					F-48-93-A-d
Xóm 18	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 22' 17"	106° 10' 05"					F-48-93-A-d
Xóm 19	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 22' 01"	106° 09' 58"					F-48-93-A-d
Xóm 20	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 21' 49"	106° 09' 22"					F-48-93-A-d
Xóm 21	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 21' 30"	106° 10' 17"					F-48-93-A-d
Xóm 22	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 21' 22"	106° 10' 15"					F-48-93-A-d
Xóm 23	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 21' 37"	106° 10' 25"					F-48-93-A-d
Xóm 24	DC	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 21' 35"	106° 10' 33"					F-48-93-A-d
cầu An Lá	KX	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 23' 04"	106° 10' 42"					F-48-93-A-b
cầu Trại Dân	KX	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 21' 09"	106° 10' 40"					F-48-93-A-d
đền An Lá	KX	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 23' 43"	106° 10' 09"					F-48-93-A-b
đường Lê Đức Thọ	KX	xã Nghĩa An	H. Nam Trực			20° 24' 08"	106° 09' 01"	20° 23' 53"	106° 12' 03"	F-48-93-A-b
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nghĩa An	H. Nam Trực			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-A-b,

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
										F-48-93-A-d
Nhà máy Gạch Tuy Nel	KX	xã Nghĩa An	H. Nam Trực	20° 21' 19"	106° 10' 02"					F-48-93-A-d
Quốc lộ 21	KX	xã Nghĩa An	H. Nam Trực			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	xã Nghĩa An	H. Nam Trực			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b, F-48-93-A-d
xóm 1 Nam Dương	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 23' 21"	106° 14' 44"					F-48-93-A-b
Xóm 2	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 33"	106° 15' 10"					F-48-93-B-a
Xóm 3	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 35"	106° 15' 12"					F-48-93-B-a
Xóm 4	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 38"	106° 15' 10"					F-48-93-B-a
Xóm 5	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 42"	106° 15' 10"					F-48-93-B-a
Xóm 6	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 56"	106° 15' 18"					F-48-93-B-a
Xóm 7	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 49"	106° 15' 41"					F-48-93-B-a
Xóm 8	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 36"	106° 15' 23"					F-48-93-B-a
Xóm 9	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 30"	106° 15' 26"					F-48-93-B-c
Xóm 10	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 15"	106° 15' 26"					F-48-93-B-c
Xóm 11	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 21' 57"	106° 15' 26"					F-48-93-B-c
Xóm 12	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 33"	106° 15' 49"					F-48-93-B-a
Xóm 13	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 30"	106° 15' 57"					F-48-93-B-c
Xóm 14	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 36"	106° 16' 05"					F-48-93-B-a
Xóm 15	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 16"	106° 15' 09"					F-48-93-B-c
Xóm 16	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 07"	106° 15' 04"					F-48-93-B-c
Xóm 17	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 06"	106° 14' 55"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 18	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 09"	106° 14' 49"					F-48-93-A-d
Xóm 19	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 11"	106° 14' 26"					F-48-93-A-d
Xóm 20	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 14"	106° 14' 23"					F-48-93-A-d
Xóm 21	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 15"	106° 14' 16"					F-48-93-A-d
Xóm 22	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 06"	106° 14' 03"					F-48-93-A-d
Xóm 23	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 05"	106° 13' 58"					F-48-93-A-d
Xóm 24	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 21' 58"	106° 13' 56"					F-48-93-A-d
Xóm 25	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 01"	106° 14' 06"					F-48-93-A-d
Xóm 26	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 21' 49"	106° 14' 36"					F-48-93-A-d
Xóm 27	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 21' 45"	106° 14' 30"					F-48-93-A-d
Xóm 28	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 21' 40"	106° 14' 37"					F-48-93-A-d
Xóm 29	DC	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 21' 48"	106° 14' 45"					F-48-93-A-d
bến khách ngang sông Quán Các	KX	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 22"	106° 16' 06"					F-48-93-B-c
cầu Cao Lộng	KX	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 16"	106° 14' 00"					F-48-93-A-d
cầu Đồng Lư	KX	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 21' 48"	106° 14' 46"					F-48-93-A-d
Đền Đá	KX	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực	20° 22' 51"	106° 15' 17"					F-48-93-B-a
Quốc lộ 21	KX	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-b
Sông Hồng	TV	xã Tân Thịnh	H. Nam Trực			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-a, F-48-93-B-c
Tổ dân phố 1	DC	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 39"	106° 10' 48"					F-48-93-C-b
Tổ dân phố 2	DC	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 15"	106° 10' 51"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Tổ dân phố 3	DC	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 31"	106° 11' 00"					F-48-93-C-b
Tổ dân phố Bắc	DC	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 24"	106° 10' 59"					F-48-93-C-b
Tổ dân phố Đoài	DC	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 11"	106° 11' 01"					F-48-93-C-b
Tổ dân phố Đông	DC	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 20"	106° 11' 14"					F-48-93-C-b
Tổ dân phố Nam	DC	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 10"	106° 11' 11"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Nam Phú	DC	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 44"	106° 11' 18"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Nam Sơn	DC	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 57"	106° 11' 22"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Tân Thành	DC	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 56"	106° 11' 11"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Tân Thọ	DC	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 24"	106° 11' 29"					F-48-93-C-b
cầu Đại Tám	KX	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 32"	106° 10' 44"					F-48-93-C-b
cầu Nghĩa Hiệp	KX	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 17"	106° 11' 09"					F-48-93-C-b
cầu phao Ninh Cường	KX	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 28"	106° 11' 40"					F-48-93-C-b
Đường tỉnh 490C	KX	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-C-b
Quốc lộ 37B	KX	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-C-b
sông Ninh Cơ	TV	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-b
Sông Rõng	TV	TT. Liễu Đề	H. Nghĩa Hưng			20° 16' 54"	106° 13' 18"	20° 12' 34"	106° 11' 41"	F-48-93-C-b
Tổ dân phố 1	DC	TT. Quỹ Nhất	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 20"	106° 07' 51"					F-48-93-C-d
Tổ dân phố 2	DC	TT. Quỹ Nhất	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 11"	106° 08' 45"					F-48-93-C-d
Tổ dân phố 3	DC	TT. Quỹ Nhất	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 05"	106° 09' 29"					F-48-93-C-d
Tổ dân phố 4	DC	TT. Quỹ Nhất	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 19"	106° 08' 57"					F-48-93-C-d
Tổ dân phố 5	DC	TT. Quỹ Nhất	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 23"	106° 09' 38"					F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Tổ dân phố 6	DC	TT. Quỹ Nhất	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 29"	106° 09' 09"					F-48-93-C-d
Tổ dân phố 7	DC	TT. Quỹ Nhất	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 26"	106° 08' 36"					F-48-93-C-d
Tổ dân phố 8	DC	TT. Quỹ Nhất	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 30"	106° 08' 23"					F-48-93-C-d
Tổ dân phố 9	DC	TT. Quỹ Nhất	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 56"	106° 08' 38"					F-48-93-C-d
bến khách ngang sông Quỹ Nhất	KX	TT. Quỹ Nhất	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 25"	106° 07' 44"					F-48-93-C-d
Quốc lộ 21B	KX	TT. Quỹ Nhất	H. Nghĩa Hưng			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-C-d
Sông Đáy	TV	TT. Quỹ Nhất	H. Nghĩa Hưng			20° 22' 09"	105° 55' 57"	19° 56' 10"	106° 06' 15"	F-48-93-C-c, F-48-93-C-d
Tổ dân phố 1	DC	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 45"	106° 10' 05"					E-48-9-A-b
Tổ dân phố 2	DC	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 32"	106° 09' 07"					E-48-9-A-b
Tổ dân phố 3	DC	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 45"	106° 08' 58"					E-48-9-A-b
Tổ dân phố 4	DC	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 31"	106° 08' 49"					E-48-9-A-b
Tổ dân phố 5	DC	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 22"	106° 08' 34"					E-48-9-A-b
Tổ dân phố 6	DC	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 38"	106° 08' 26"					E-48-9-A-b
Tổ dân phố 7	DC	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 29"	106° 07' 40"					E-48-9-A-b
Tổ dân phố 8	DC	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 30"	106° 06' 58"					E-48-9-A-a
Tổ dân phố 9	DC	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 23"	106° 06' 38"					E-48-9-A-a
Tổ dân phố 10	DC	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 21"	106° 09' 55"					E-48-9-A-b
Tổ dân phố 11	DC	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng	19° 58' 33"	106° 06' 53"					E-48-9-A-a
tổ dân phố Đông Bình	DC	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 50"	106° 10' 28"					E-48-9-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nông nghiệp Rạng Đông	KX	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 31"	106° 08' 44"					E-48-9-A-b
Đường tỉnh 490C	KX	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-C-d, E-48-9-A-b
sông Quần Vinh 2	TV	TT. Rạng Đông	H. Nghĩa Hưng			20° 00' 05"	106° 10' 33"	20° 00' 05"	106° 06' 21"	F-48-93-C-d, E-48-9-A-a, E-48-9-A-b
thôn Ba Hạ	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 40"	106° 07' 17"					F-48-93-C-a
thôn Đông Tĩnh	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 11"	106° 07' 25"					F-48-93-C-a
thôn Hà Dương	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 14"	106° 07' 40"					F-48-93-C-b
Xóm Bơn	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 40"	106° 06' 12"					F-48-93-C-a
xóm Châu Thành Đông	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 04"	106° 06' 12"					F-48-93-A-c
xóm Châu Thành Tây	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 00"	106° 06' 00"					F-48-93-A-c
xóm Đông Cường	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 53"	106° 06' 52"					F-48-93-C-a
Xóm Mới	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 34"	106° 06' 56"					F-48-93-C-a
xóm Nam Cường	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 58"	106° 07' 00"					F-48-93-C-a
xóm Nam Thịnh	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 28"	106° 06' 59"					F-48-93-C-a
xóm Nghĩa Dũng	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 12"	106° 06' 14"					F-48-93-C-a
xóm Nghĩa Hùng	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 10"	106° 06' 27"					F-48-93-C-a
xóm Nghĩa Phong	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 17"	106° 06' 24"					F-48-93-C-a
Xóm Phố	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 40"	106° 06' 03"					F-48-93-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm Phủ	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 46"	106° 06' 08"					F-48-93-C-a
xóm Tây An (xóm Hưng Thịnh)	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 05"	106° 06' 58"					F-48-93-C-a
xóm Tây An (xóm Sa Hạ)	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 59"	106° 06' 33"					F-48-93-C-a
xóm Thái Bình	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 04"	106° 07' 09"					F-48-93-C-a
xóm Trung Phú	DC	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 55"	106° 06' 41"					F-48-93-C-a
bến khách ngang sông Bà Quăn	KX	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 14"	106° 06' 58"					F-48-93-C-a
Bến khách ngang sông Xanh	KX	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 14"	106° 06' 16"					F-48-93-C-a
chùa Hà Dương	KX	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 22"	106° 07' 26"					F-48-93-C-a
chùa Hưng Thịnh	KX	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 09"	106° 06' 56"					F-48-93-C-a
đền Hà Dương	KX	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 24"	106° 07' 26"					F-48-93-C-a
đền Hưng Thịnh	KX	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 08"	106° 06' 54"					F-48-93-C-a
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-c
Sông Đáy	TV	xã Hoàng Nam	H. Nghĩa Hưng			20° 22' 09"	105° 55' 57"	19° 56' 10"	106° 06' 15"	F-48-93-A-c, F-48-93-C-a, F-48-93-C-b
Xóm 1	DC	xã Nam Điền	H. Nghĩa Hưng	19° 58' 16"	106° 08' 01"					E-48-9-A-b
Xóm 2	DC	xã Nam Điền	H. Nghĩa Hưng	19° 58' 22"	106° 08' 02"					E-48-9-A-b
Xóm 3	DC	xã Nam Điền	H. Nghĩa Hưng	19° 58' 32"	106° 07' 59"					E-48-9-A-b
Xóm 4	DC	xã Nam Điền	H. Nghĩa Hưng	19° 58' 43"	106° 08' 06"					E-48-9-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 5	DC	xã Nam Điền	H. Nghĩa Hưng	19° 58' 44"	106° 07' 53"					E-48-9-A-b
Xóm 6	DC	xã Nam Điền	H. Nghĩa Hưng	19° 58' 35"	106° 07' 17"					E-48-9-A-a
Xóm 7	DC	xã Nam Điền	H. Nghĩa Hưng	19° 58' 25"	106° 06' 46"					E-48-9-A-a
Xóm 8	DC	xã Nam Điền	H. Nghĩa Hưng	19° 58' 17"	106° 06' 23"					E-48-9-A-a
Xóm 9	DC	xã Nam Điền	H. Nghĩa Hưng	19° 58' 21"	106° 06' 12"					E-48-9-A-a
Xóm 10	DC	xã Nam Điền	H. Nghĩa Hưng	19° 57' 39"	106° 06' 30"					E-48-9-A-a
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nam Điền	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-A-b
Cửa Đáy	TV	xã Nam Điền	H. Nghĩa Hưng	19° 56' 10"	106° 06' 15"					E-48-9-A-a
Sông Đáy	TV	xã Nam Điền	H. Nghĩa Hưng			20° 22' 09"	105° 55' 57"	19° 56' 10"	106° 06' 15"	E-48-9-A-a
đội 1 - Xóm 1 An Lạc	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 14"	106° 10' 59"					F-48-93-C-d
đội 2 - Xóm 1 An Lạc	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 18"	106° 11' 07"					F-48-93-C-d
đội 3 - Xóm 1 Quần Phương	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 20"	106° 11' 13"					F-48-93-C-d
đội 4 - Xóm 1 Thiên Bình	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 53"	106° 11' 47"					F-48-93-C-d
đội 5 - Xóm 1 Thiên Bình	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 44"	106° 11' 47"					F-48-93-C-d
đội 6 - Xóm 40	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 15"	106° 12' 09"					F-48-93-C-d
đội 7 - Xóm 50	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 49"	106° 12' 10"					F-48-93-C-d
đội 8 - Xóm 2 Thiên Bình	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 13"	106° 11' 57"					F-48-93-C-d
đội 9 - Xóm 1 Thịnh Phú	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 11"	106° 11' 46"					F-48-93-C-d
đội 10 - Xóm 2 Thịnh Phú	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 00"	106° 11' 43"					F-48-93-C-d
đội 11 - Xóm 3 Thịnh Phú	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 42"	106° 11' 50"					F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đội 12 - Xóm 2 Quần Phương	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 03"	106° 11' 27"					F-48-93-C-d
đội 13 - Xóm 3 Quần Phương	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 56"	106° 11' 17"					F-48-93-C-d
đội 14 - Xóm 2 An Lạc	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 56"	106° 11' 06"					F-48-93-C-d
Đội 16	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 26"	106° 11' 04"					F-48-93-C-d
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-C-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-C-d
sông Ninh Cơ	TV	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-d
Sông Vạc	TV	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Hưng			20° 02' 05"	106° 10' 55"	20° 02' 01"	106° 12' 06"	F-48-93-C-d
Xóm 1	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 42"	106° 08' 41"					F-48-93-C-b
Xóm 2	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 48"	106° 08' 37"					F-48-93-C-b
Xóm 3	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 44"	106° 08' 32"					F-48-93-C-b
Xóm 4	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 26"	106° 08' 40"					F-48-93-C-b
Xóm 5	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 17"	106° 08' 32"					F-48-93-C-b
Xóm 6	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 18"	106° 08' 50"					F-48-93-C-b
Xóm 7	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 20"	106° 09' 03"					F-48-93-C-b
Xóm 8	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 52"	106° 08' 29"					F-48-93-C-b
Xóm 9	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 07"	106° 08' 05"					F-48-93-C-b
Xóm 10	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 01"	106° 08' 10"					F-48-93-C-b
Xóm 11	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 00"	106° 08' 06"					F-48-93-C-b
Xóm 12	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 14"	106° 07' 49"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 13	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 20"	106° 07' 48"					F-48-93-C-b
Xóm 14	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 25"	106° 07' 58"					F-48-93-C-b
Xóm 15	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 31"	106° 08' 15"					F-48-93-C-b
Xóm 16	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 31"	106° 08' 25"					F-48-93-C-b
Xóm 17	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 44"	106° 08' 08"					F-48-93-C-b
Xóm 18	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 51"	106° 08' 13"					F-48-93-C-b
Xóm 19	DC	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 11"	106° 08' 01"					F-48-93-C-b
Quốc lộ 37B	KX	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-A-c, F-48-93-C-a, F-48-93-C-b
kênh Tam Tòa	TV	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng			20° 13' 52"	106° 09' 29"	20° 13' 34"	106° 09' 21"	F-48-93-C-b
Sông Đáy	TV	xã Nghĩa Châu	H. Nghĩa Hưng			20° 22' 09"	105° 55' 57"	19° 56' 10"	106° 06' 15"	F-48-93-C-b
Thôn 1	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Nghĩa Hưng	20° 17' 48"	106° 09' 05"					F-48-93-A-d
Thôn 2	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Nghĩa Hưng	20° 17' 33"	106° 08' 55"					F-48-93-A-d
Thôn 3	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Nghĩa Hưng	20° 17' 37"	106° 09' 00"					F-48-93-A-d
Thôn 4	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Nghĩa Hưng	20° 17' 34"	106° 09' 18"					F-48-93-A-d
Thôn 5	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Nghĩa Hưng	20° 17' 26"	106° 09' 13"					F-48-93-A-d
Thôn 6	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Nghĩa Hưng	20° 17' 25"	106° 09' 08"					F-48-93-A-d
Thôn 7	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Nghĩa Hưng	20° 17' 22"	106° 09' 01"					F-48-93-A-d
Thôn 8	DC	xã Nghĩa Đồng	H. Nghĩa Hưng	20° 16' 00"	106° 09' 50"					F-48-93-A-d
Bến khách ngang sông Sành	KX	xã Nghĩa Đồng	H. Nghĩa Hưng	20° 17' 36"	106° 08' 28"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 487	KX	xã Nghĩa Đồng	H. Nghĩa Hưng			20° 20' 08"	106° 17' 58"	20° 15' 18"	106° 07' 11"	F-48-93-A-d
Đường tỉnh 487B	KX	xã Nghĩa Đồng	H. Nghĩa Hưng			20° 21' 24"	106° 14' 58"	20° 17' 16"	106° 08' 42"	F-48-93-A-d
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	xã Nghĩa Đồng	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-d
xóm 1 - Nam Hải	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 33"	106° 06' 44"					F-48-93-C-c
xóm 1 - Ngọc Lâm	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 07"	106° 06' 25"					F-48-93-C-c
xóm 1 - Phú Thọ	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 12"	106° 08' 19"					F-48-93-C-d
xóm 2 - Nam Hải	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 35"	106° 07' 16"					F-48-93-C-c
xóm 2 - Ngọc Lâm	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 42"	106° 06' 45"					E-48-9-A-a
xóm 2 - Phú Thọ	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 01"	106° 08' 20"					F-48-93-C-d
xóm 3 - Nam Hải	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 37"	106° 07' 43"					F-48-93-C-d
xóm 3 - Phú Thọ	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 05"	106° 08' 02"					F-48-93-C-d
xóm 4 - Nam Hải	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 26"	106° 07' 35"					F-48-93-C-d
xóm 4 - Phú Thọ	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 30"	106° 07' 32"					F-48-93-C-d
xóm 5 - Nam Hải	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 24"	106° 07' 25"					F-48-93-C-c
xóm 5 - Phú Thọ	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 22"	106° 07' 37"					F-48-93-C-d
xóm 6 - Nam Hải	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 25"	106° 07' 17"					F-48-93-C-c
xóm 6 - Phú Thọ	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 07"	106° 07' 36"					F-48-93-C-d
xóm 7 - Nam Hải	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 59"	106° 06' 29"					E-48-9-A-a
xóm 8 - Nam Hải	DC	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 44"	106° 06' 31"					E-48-9-A-a
bến khách ngang sông Ngọc Lâm 1	KX	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 33"	106° 06' 32"					F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Ý Yên	TV	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 03"	106° 08' 24"					F-48-93-C-d
Sông Đáy	TV	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng			20° 22' 09"	105° 55' 57"	19° 56' 10"	106° 06' 15"	F-48-93-C-c, E-48-9-A-a
sông Quần Vinh 2	TV	xã Nghĩa Hải	H. Nghĩa Hưng			20° 00' 05"	106° 10' 33"	20° 00' 05"	106° 06' 21"	F-48-93-C-c, F-48-93-C-d, E-48-9-A-a, E-48-9-A-b
thôn Đồng Nghĩa	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 03"	106° 09' 09"					F-48-93-C-d
xóm Bắc Giang	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 12"	106° 10' 06"					F-48-93-C-d
xóm Bắc Sơn	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 57"	106° 10' 24"					F-48-93-C-d
xóm Đô Lương	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 13"	106° 10' 33"					F-48-93-C-d
xóm Đông Đồng Quỹ	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 04"	106° 09' 50"					F-48-93-C-d
xóm Đồng Tình	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 29"	106° 09' 15"					F-48-93-C-d
xóm Hồng Thái	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 32"	106° 10' 29"					F-48-93-C-d
xóm Ngòi Ô	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 02"	106° 10' 39"					F-48-93-C-d
xóm Ô Khê	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 10"	106° 10' 42"					F-48-93-C-d
xóm Quang Trung	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 07"	106° 10' 11"					F-48-93-C-d
xóm Tây Đồng Quỹ	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 01"	106° 09' 42"					F-48-93-C-d
xóm Thái Học	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 48"	106° 10' 27"					F-48-93-C-d
xóm Thái Nguyên	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 06"	106° 10' 29"					F-48-93-C-d
xóm Thuận Môn	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 17"	106° 09' 18"					F-48-93-C-d
xóm Võ Bắc	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 40"	106° 10' 21"					F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Võ Nam	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 31"	106° 10' 18"					F-48-93-C-d
bến khách ngang sông Cửa Đồn	KX	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 28"	106° 09' 03"					F-48-93-C-d
Sông Đáy	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Hưng			20° 22' 09"	105° 55' 57"	19° 56' 10"	106° 06' 15"	F-48-93-C-d
xóm 1 Văn Giáo	DC	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 20"	106° 07' 35"					F-48-93-C-d
xóm 2 Văn Giáo	DC	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 20"	106° 07' 22"					F-48-93-C-c
xóm 3 và 4 Văn Giáo	DC	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 12"	106° 07' 27"					F-48-93-C-c
xóm An Ninh Đông	DC	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 59"	106° 08' 14"					F-48-93-C-d
xóm An Ninh Tây	DC	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 02"	106° 08' 03"					F-48-93-C-d
xóm Ba Đê	DC	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 09"	106° 06' 58"					F-48-93-C-c
xóm Hòa Lạc Đông	DC	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 20"	106° 08' 13"					F-48-93-C-d
xóm Hòa Lạc Tây	DC	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 26"	106° 08' 03"					F-48-93-C-d
xóm Sỹ Hội Bắc	DC	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 00"	106° 07' 46"					F-48-93-C-d
xóm Sỹ Hội Nam	DC	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 56"	106° 07' 46"					F-48-93-C-d
xóm Thổ Ương	DC	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 04"	106° 07' 36"					F-48-93-C-d
xóm Thượng Hội Trại	DC	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 11"	106° 07' 29"					F-48-93-C-c
bến khách ngang sông Thổ Cư	KX	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 11"	106° 06' 47"					F-48-93-C-c
bến khách ngang sông Thượng Hội Trại	KX	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 20"	106° 07' 25"					F-48-93-C-c
đền Sỹ Hội	KX	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 06"	106° 07' 43"					F-48-93-C-d
Sông Đáy	TV	xã Nghĩa Hùng	H. Nghĩa Hưng			20° 22' 09"	105° 55' 57"	19° 56' 10"	106° 06' 15"	F-48-93-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng An	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng	20° 07' 42"	106° 10' 35"					F-48-93-C-b
xóm Đồng Hưng	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 48"	106° 10' 01"					F-48-93-C-d
xóm Đồng Lợi	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng	20° 07' 18"	106° 09' 54"					F-48-93-C-d
xóm Đồng Lực	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 55"	106° 10' 43"					F-48-93-C-d
xóm Đồng Nguyên	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng	20° 07' 04"	106° 10' 31"					F-48-93-C-d
xóm Đồng Nhân	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 40"	106° 10' 23"					F-48-93-C-d
xóm Đồng Ninh	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng	20° 07' 35"	106° 10' 32"					F-48-93-C-b
xóm Đồng Quang	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 43"	106° 11' 19"					F-48-93-C-d
xóm Đồng Tâm	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 14"	106° 11' 19"					F-48-93-C-d
xóm Đồng Thành	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 50"	106° 11' 06"					F-48-93-C-d
xóm Đồng Thịnh	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 49"	106° 09' 32"					F-48-93-C-d
xóm Nguyên Lực	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng	20° 07' 09"	106° 10' 54"					F-48-93-C-d
xóm Tâm Lương	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng	20° 06' 22"	106° 10' 55"					F-48-93-C-d
bến khách ngang sông Ninh Mỹ	KX	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng	20° 07' 15"	106° 11' 20"					F-48-93-C-d
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-C-b, F-48-93-C-d
Sông Đáy	TV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng			20° 22' 09"	105° 55' 57"	19° 56' 10"	106° 06' 15"	F-48-93-C-b, F-48-93-C-d
sông Ninh Cơ	TV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Hưng			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-b, F-48-93-C-d
xóm Cường Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 27"	106° 08' 31"					F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khang Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 16"	106° 08' 25"					F-48-93-C-d
xóm Lạc Phú A	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 04"	106° 08' 59"					F-48-93-C-d
xóm Lạc Phú B	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 30"	106° 08' 45"					F-48-93-C-d
xóm Ninh Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 16"	106° 08' 37"					F-48-93-C-d
xóm Phú Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 50"	106° 08' 29"					F-48-93-C-d
xóm Quý Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 34"	106° 08' 29"					F-48-93-C-d
xóm Thịnh Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 17"	106° 08' 33"					F-48-93-C-d
xóm Thọ Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 25"	106° 08' 27"					F-48-93-C-d
xóm Văn Anh	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 57"	106° 08' 33"					F-48-93-C-d
xóm Văn Cường	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 28"	106° 08' 53"					F-48-93-C-d
xóm Văn Dũng	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 15"	106° 08' 49"					F-48-93-C-d
xóm Văn Hùng	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 22"	106° 08' 39"					F-48-93-C-d
xóm Văn Tiến	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 18"	106° 08' 51"					F-48-93-C-d
Di tích lịch sử văn hóa Phạm Văn Nghị và những người có công khai hoang lấn Biển	KX	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 03"	106° 08' 29"					F-48-93-C-d
sông Quần Vinh 2	TV	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Hưng			20° 00' 05"	106° 10' 33"	20° 00' 05"	106° 06' 21"	F-48-93-C-d, E-48-9-A-b
xóm Bùi Chu	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 16"	106° 09' 59"					F-48-93-C-d
xóm Cầu Cổ	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 52"	106° 09' 40"					E-48-9-A-b
xóm Đồng Mỹ	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 45"	106° 09' 44"					F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Nam	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 36"	106° 09' 38"					F-48-93-C-d
xóm Đồng Nhân	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 42"	106° 09' 11"					E-48-9-A-b
xóm Đồng Trạch	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 23"	106° 09' 26"					F-48-93-C-d
xóm Kiên Thành	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 02"	106° 10' 02"					F-48-93-C-d
xóm Nam Điền	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 57"	106° 09' 57"					F-48-93-C-d
xóm Nam Dương	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 12"	106° 10' 02"					F-48-93-C-d
xóm Ngọc Ninh	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 18"	106° 10' 24"					F-48-93-C-d
xóm Ngọc Tỉnh	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 45"	106° 10' 08"					F-48-93-C-d
xóm Phương Đê	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 32"	106° 10' 03"					F-48-93-C-d
xóm Sỹ Lạc	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 42"	106° 09' 29"					E-48-9-A-b
xóm Tân Bình	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 13"	106° 10' 28"					F-48-93-C-d
xóm Tràng Sinh	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 03"	106° 10' 22"					F-48-93-C-d
xóm Vinh Phú	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 15"	106° 09' 44"					F-48-93-C-d
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-C-d
sông Quần Vinh 1	TV	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng			20° 00' 38"	106° 09' 28"	20° 00' 46"	106° 11' 34"	F-48-93-C-d
sông Quần Vinh 2	TV	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Hưng			20° 00' 05"	106° 10' 33"	20° 00' 05"	106° 06' 21"	F-48-93-C-d, E-48-9-A-b
Xóm 1	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 45"	106° 07' 41"					F-48-93-A-d
Xóm 2	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 44"	106° 07' 33"					F-48-93-A-d
Xóm 3	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 44"	106° 07' 26"					F-48-93-A-c
Xóm 4	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 44"	106° 07' 21"					F-48-93-A-c
Xóm 5	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 41"	106° 06' 44"					F-48-93-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 6	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 26"	106° 06' 59"					F-48-93-A-c
Xóm 7	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 21"	106° 06' 48"					F-48-93-A-c
Xóm 8	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 30"	106° 06' 51"					F-48-93-A-c
Xóm 9	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 27"	106° 06' 45"					F-48-93-A-c
bến khách ngang sông Đống Cao	KX	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 54"	106° 06' 43"					F-48-93-A-c
Đường tỉnh 487	KX	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Hưng			20° 20' 08"	106° 17' 58"	20° 15' 18"	106° 07' 11"	F-48-93-A-c, F-48-93-A-d
Quốc lộ 37B	KX	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Hưng			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-A-c
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-c, F-48-93-A-d
thôn Đội 1	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 54"	106° 11' 26"					F-48-93-C-d
thôn Đội 2	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 45"	106° 11' 28"					F-48-93-C-d
thôn Đội 3	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 33"	106° 11' 39"					F-48-93-C-d
thôn Đội 4	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 15"	106° 11' 54"					F-48-93-C-d
thôn Đội 5	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 25"	106° 11' 55"					F-48-93-C-d
thôn Đội 6	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 52"	106° 10' 55"					F-48-93-C-d
thôn Đội 7	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 46"	106° 10' 53"					F-48-93-C-d
thôn Đội 8	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 40"	106° 11' 05"					F-48-93-C-d
thôn Đội 9	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 11"	106° 11' 03"					F-48-93-C-d
thôn Đội 10	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 14"	106° 11' 13"					F-48-93-C-d
thôn Đội 11	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 42"	106° 11' 43"					F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đội 12	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 27"	106° 12' 05"					F-48-93-C-d
thôn Đội 13	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 24"	106° 11' 29"					F-48-93-C-d
thôn Đội 14	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 23"	106° 11' 22"					F-48-93-C-d
thôn Đội 15	DC	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 14"	106° 11' 11"					F-48-93-C-d
bến khách ngang sông Phú Lễ	KX	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 27"	106° 12' 23"					F-48-93-C-d
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-C-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-C-d
sông Ninh Cơ	TV	xã Nghĩa Phong	H. Nghĩa Hưng			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-d
Xóm 1	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 08"	106° 10' 35"					F-48-93-C-d
Xóm 2	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 03"	106° 10' 05"					F-48-93-C-d
Xóm 3	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 21"	106° 10' 07"					F-48-93-C-d
Xóm 4	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 26"	106° 10' 25"					F-48-93-C-d
Xóm 5	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 29"	106° 10' 10"					F-48-93-C-d
Xóm 6	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 18"	106° 09' 40"					F-48-93-C-d
Xóm 7	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 26"	106° 09' 42"					F-48-93-C-d
Xóm 8	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 17"	106° 09' 24"					F-48-93-C-d
Xóm 9	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 27"	106° 09' 21"					F-48-93-C-d
Xóm 10	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 24"	106° 09' 02"					F-48-93-C-d
Xóm 11	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 30"	106° 08' 51"					F-48-93-C-d
Xóm 12	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 32"	106° 09' 01"					F-48-93-C-d
Xóm 13	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 59"	106° 08' 52"					F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 14	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 13"	106° 08' 57"					F-48-93-C-d
Xóm 15	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 05' 13"	106° 09' 21"					F-48-93-C-d
đền Bình Hải	KX	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng	20° 04' 24"	106° 09' 15"					F-48-93-C-d
sông Ninh Hải	TV	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng			20° 04' 45"	106° 10' 19"	20° 00' 59"	106° 11' 00"	F-48-93-C-d
Sông Đáy	TV	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Hưng			20° 22' 09"	105° 55' 57"	19° 56' 10"	106° 06' 15"	F-48-93-C-d
Khu 8	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 49"	106° 10' 36"					E-48-9-A-b
Xóm 1	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 07"	106° 10' 45"					F-48-93-C-d
Xóm 2	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 01"	106° 10' 42"					F-48-93-C-d
Xóm 3	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 05"	106° 10' 52"					F-48-93-C-d
Xóm 4	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 56"	106° 10' 59"					E-48-9-A-b
Xóm 5	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 09"	106° 11' 00"					F-48-93-C-d
Xóm 6	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 06"	106° 11' 05"					F-48-93-C-d
Xóm 7	DC	xã Nghĩa Phúc	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 14"	106° 11' 09"					F-48-93-C-d
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nghĩa Phúc	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-C-d, E-48-9-A-b
cửa Lạch Giang	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Nghĩa Hưng	19° 59' 01"	106° 10' 54"					E-48-9-A-b
sông Ninh Cơ	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Nghĩa Hưng			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-d, E-48-9-A-b
sông Quần Vinh 1	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Nghĩa Hưng			20° 00' 38"	106° 09' 28"	20° 00' 46"	106° 11' 34"	F-48-93-C-d
sông Quần Vinh 2	TV	xã Nghĩa Phúc	H. Nghĩa Hưng			20° 00' 05"	106° 10' 33"	20° 00' 05"	106° 06' 21"	F-48-93-C-d, E-48-9-A-b
xóm 1 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 11' 31"	106° 10' 33"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 1 Thống Nhất	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 08"	106° 09' 58"					F-48-93-C-b
xóm 2 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 11' 21"	106° 10' 26"					F-48-93-C-b
xóm 2 Thống Nhất	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 03"	106° 10' 05"					F-48-93-C-b
xóm 3 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 11' 29"	106° 10' 17"					F-48-93-C-b
xóm 3 Thống Nhất	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 22"	106° 09' 56"					F-48-93-C-b
xóm 4 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 11' 22"	106° 10' 01"					F-48-93-C-b
xóm 4 Thống Nhất	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 21"	106° 10' 01"					F-48-93-C-b
xóm 5 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 11' 23"	106° 09' 56"					F-48-93-C-b
xóm 5 Thống Nhất	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 24"	106° 10' 09"					F-48-93-C-b
xóm 6 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 11' 31"	106° 09' 55"					F-48-93-C-b
xóm 6 Thống Nhất	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 12"	106° 10' 16"					F-48-93-C-b
xóm 7 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 11' 24"	106° 09' 46"					F-48-93-C-b
xóm 7 Thống Nhất	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 19"	106° 10' 24"					F-48-93-C-b
xóm 8 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 10' 52"	106° 10' 00"					F-48-93-C-b
xóm 8 Thống Nhất	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 18"	106° 10' 30"					F-48-93-C-b
xóm 9 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 10' 48"	106° 10' 21"					F-48-93-C-b
xóm 9 Thống Nhất	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 19"	106° 10' 38"					F-48-93-C-b
xóm 10 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 10' 07"	106° 10' 26"					F-48-93-C-b
xóm 10 Thống Nhất	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 24"	106° 10' 51"					F-48-93-C-b
xóm 11 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 10' 03"	106° 10' 23"					F-48-93-C-b
xóm 11 Thống Nhất	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 15"	106° 10' 49"					F-48-93-C-b
xóm 12 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 10' 14"	106° 10' 11"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 12 Thống Nhất	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 11' 34"	106° 10' 48"					F-48-93-C-b
xóm 13 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 10' 16"	106° 10' 03"					F-48-93-C-b
xóm 14 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 10' 15"	106° 09' 52"					F-48-93-C-b
xóm 15 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 08' 42"	106° 10' 16"					F-48-93-C-b
xóm 16 Quần Liêu	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 08' 39"	106° 10' 11"					F-48-93-C-b
bến khách ngang sông Cống Cau	KX	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 08' 38"	106° 10' 28"					F-48-93-C-b
Bến khách ngang sông Mười	KX	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 08' 36"	106° 10' 00"					F-48-93-C-b
cầu Đại Tám	KX	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 32"	106° 10' 44"					F-48-93-C-b
cầu Quần Liêu	KX	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 11' 28"	106° 10' 39"					F-48-93-C-b
Cầu Giữa	KX	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 11' 27"	106° 10' 12"					F-48-93-C-b
Cụm công nghiệp Nghĩa Sơn	KX	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng	20° 11' 48"	106° 10' 38"					F-48-93-C-b
Đường tỉnh 481D	KX	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng			20° 08' 35"	106° 09' 55"	20° 08' 31"	106° 10' 23"	F-48-93-C-b
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-C-b
sông Ninh Cơ	TV	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-b
Sông Đáy	TV	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Hưng			20° 22' 09"	105° 55' 57"	19° 56' 10"	106° 06' 15"	F-48-93-C-b
Xóm 1	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 21"	106° 10' 41"					F-48-93-C-d
Xóm 2	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 16"	106° 10' 24"					F-48-93-C-d
Xóm 3	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 02"	106° 10' 12"					F-48-93-C-d
Xóm 4	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 05"	106° 10' 05"					F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 5	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 34"	106° 10' 02"					F-48-93-C-d
Xóm 6	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 58"	106° 10' 05"					F-48-93-C-d
Xóm 7	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 09"	106° 10' 34"					F-48-93-C-d
Xóm 8	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Hưng	20° 03' 09"	106° 10' 41"					F-48-93-C-d
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-C-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Hưng			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-C-d
kênh Âm Sa	TV	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Hưng			20° 00' 52"	106° 10' 46"	20° 01' 53"	106° 10' 27"	F-48-93-C-d
sông Ninh Hải	TV	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Hưng			20° 04' 45"	106° 10' 19"	20° 00' 59"	106° 11' 00"	F-48-93-C-d
Xóm 1	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 44"	106° 08' 56"					F-48-93-C-b
Xóm 2	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 47"	106° 09' 10"					F-48-93-C-b
Xóm 3	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 52"	106° 09' 21"					F-48-93-C-b
Xóm 4	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 36"	106° 09' 26"					F-48-93-C-b
Xóm 5	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 32"	106° 09' 14"					F-48-93-C-b
Xóm 6	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 15"	106° 09' 31"					F-48-93-A-d
Xóm 7	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 57"	106° 09' 36"					F-48-93-C-b
Xóm 8	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 49"	106° 09' 59"					F-48-93-C-b
Xóm 9	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 15"	106° 10' 00"					F-48-93-A-d
Xóm 10	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 40"	106° 09' 39"					F-48-93-C-b
Xóm 11	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 42"	106° 09' 49"					F-48-93-C-b
Xóm 12	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 36"	106° 09' 52"					F-48-93-C-b
Xóm 13	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 33"	106° 09' 42"					F-48-93-C-b
Xóm 14	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 49"	106° 10' 09"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 15	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 44"	106° 10' 27"					F-48-93-C-b
Xóm 16	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 35"	106° 10' 28"					F-48-93-C-b
Xóm 17	DC	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 50"	106° 10' 12"					F-48-93-C-b
Cầu Tây	KX	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 12"	106° 10' 33"					F-48-93-A-d
kênh Tam Toà	TV	xã Nghĩa Thái	H. Nghĩa Hưng			20° 13' 52"	106° 09' 29"	20° 13' 34"	106° 09' 21"	F-48-93-C-b
xóm Bảo Điền	DC	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 29"	106° 09' 37"					F-48-93-C-d
xóm Chỉ Thiện	DC	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 58"	106° 08' 49"					F-48-93-C-d
xóm Công Điền Chỉ Thiện	DC	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 14"	106° 09' 07"					F-48-93-C-d
xóm Hậu Điền	DC	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 41"	106° 09' 34"					F-48-93-C-d
xóm Liên Thành	DC	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 24"	106° 09' 16"					F-48-93-C-d
xóm Lương Điền	DC	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 24"	106° 09' 25"					F-48-93-C-d
xóm Minh Điền	DC	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 42"	106° 09' 35"					F-48-93-C-d
xóm Mỹ Điền	DC	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 33"	106° 09' 19"					F-48-93-C-d
xóm Phúc Điền	DC	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 01"	106° 09' 39"					F-48-93-C-d
xóm Phương Điền	DC	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 51"	106° 09' 14"					F-48-93-C-d
xóm Tây Thành	DC	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 21"	106° 09' 11"					F-48-93-C-d
xóm Thiện Thắng	DC	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 25"	106° 09' 12"					F-48-93-C-d
chùa Hải Vân Tự	KX	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 44"	106° 09' 44"					F-48-93-C-d
đền thờ Doãn Khê	KX	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 41"	106° 09' 20"					F-48-93-C-d
đền thờ Phúc Điền	KX	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 59"	106° 09' 28"					F-48-93-C-d
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-C-d
nhà thờ Xứ Chỉ Thiện	KX	xã Nghĩa Thành	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 58"	106° 08' 45"					F-48-93-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 1	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 41"	106° 10' 27"					F-48-93-C-d
Xóm 2	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 55"	106° 10' 33"					F-48-93-C-d
Xóm 3	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 13"	106° 10' 50"					F-48-93-C-d
Xóm 4	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 58"	106° 10' 50"					F-48-93-C-d
Xóm 5	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng	20° 02' 02"	106° 10' 55"					F-48-93-C-d
Xóm 6	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 30"	106° 11' 17"					F-48-93-C-d
Xóm 7	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng	20° 01' 11"	106° 11' 20"					F-48-93-C-d
Xóm 8	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 51"	106° 11' 04"					F-48-93-C-d
Xóm 9	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 22"	106° 10' 51"					F-48-93-C-d
Xóm 10	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 17"	106° 10' 38"					F-48-93-C-d
bến khách ngang sông Gót Tràng	KX	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng	20° 00' 50"	106° 11' 36"					F-48-93-C-d
kênh Âm Sa	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng			20° 00' 52"	106° 10' 46"	20° 01' 53"	106° 10' 27"	F-48-93-C-d
sông Ninh Cơ	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-d
sông Ninh Hải	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng			20° 04' 45"	106° 10' 19"	20° 00' 59"	106° 11' 00"	F-48-93-C-d
sông Quần Vinh 1	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng			20° 00' 38"	106° 09' 28"	20° 00' 46"	106° 11' 34"	F-48-93-C-d
Sông Vạc	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Hưng			20° 02' 05"	106° 10' 55"	20° 02' 01"	106° 12' 06"	F-48-93-C-d
thôn Bình A	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 43"	106° 07' 53"					F-48-93-A-d
thôn Hạ Kỳ	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 16' 47"	106° 08' 46"					F-48-93-A-d
thôn Hải Bình	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 16' 34"	106° 08' 39"					F-48-93-A-d
thôn Hải Lạng Trang	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 16' 37"	106° 09' 09"					F-48-93-A-d
thôn Hải Sơn	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 16' 15"	106° 08' 37"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hải Tân	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 16' 15"	106° 08' 33"					F-48-93-A-d
thôn Hanh Thụ	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 31"	106° 08' 58"					F-48-93-A-d
thôn Hưng Đạo	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 21"	106° 08' 41"					F-48-93-A-d
thôn Hưng Nghĩa	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 19"	106° 08' 32"					F-48-93-A-d
thôn Kỳ Hưng	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 26"	106° 08' 09"					F-48-93-A-d
thôn Long Yến	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 16' 05"	106° 08' 20"					F-48-93-A-d
thôn Nam Thanh Nghị	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 16' 10"	106° 08' 27"					F-48-93-A-d
thôn Thượng Kỳ	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 59"	106° 09' 14"					F-48-93-A-d
chùa Hạ Kỳ	KX	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 16' 53"	106° 08' 50"					F-48-93-A-d
đền Hạ Kỳ	KX	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 16' 52"	106° 08' 49"					F-48-93-A-d
đình Hưng Lộc	KX	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng	20° 15' 34"	106° 08' 51"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 487	KX	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng			20° 20' 08"	106° 17' 58"	20° 15' 18"	106° 07' 11"	F-48-93-A-d
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-d
phố Hải Đông	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 12"	106° 10' 29"					F-48-93-C-b
phố Thống Nhất	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 53"	106° 10' 44"					F-48-93-C-b
xóm 1 - Thụ Long	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 13"	106° 09' 16"					F-48-93-C-b
xóm 2 - Thụ Lộc	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 29"	106° 09' 46"					F-48-93-C-b
xóm 3 - Thụ Thành	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 11"	106° 09' 40"					F-48-93-C-b
xóm 4 - Thụ Phúc	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 24"	106° 10' 08"					F-48-93-C-b
xóm 5 - An Cát	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 10"	106° 10' 09"					F-48-93-C-b
xóm 6 - An Trung	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 14"	106° 10' 13"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 7 - An Phú	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 26"	106° 09' 42"					F-48-93-C-b
xóm 8 - Hải Tây	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 16"	106° 10' 21"					F-48-93-C-b
xóm 9 - Hải Tiến	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 17"	106° 10' 27"					F-48-93-C-b
xóm 10 - Hải Đông	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 19"	106° 10' 35"					F-48-93-C-b
xóm 11 - Hải Thượng	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 14' 07"	106° 10' 27"					F-48-93-C-b
xóm 12 - Hải Nam	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 12' 40"	106° 10' 22"					F-48-93-C-b
bến khách ngang sông Tam Tòa	KX	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng	20° 13' 21"	106° 09' 08"					F-48-93-C-b
Đường tỉnh 490C	KX	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-C-b
Quốc lộ 37B	KX	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-C-b
kênh Đại Tám A	TV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng			20° 13' 34"	106° 09' 21"	20° 13' 22"	106° 09' 16"	F-48-93-C-b
Sông Đáy	TV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Hưng			20° 22' 09"	105° 55' 57"	19° 56' 10"	106° 06' 15"	F-48-93-C-b
tổ dân phố Bắc Bình	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 38"	106° 16' 10"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Bắc Cát	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 21"	106° 15' 41"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Bắc Đại 1	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 16' 03"	106° 16' 56"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Bắc Đại 2	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 50"	106° 16' 48"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Bắc Giang	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 10"	106° 16' 04"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Bắc Giới	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 29"	106° 16' 41"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Bắc Hòa	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 04"	106° 16' 53"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Bắc Hoàng	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 41"	106° 15' 58"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Bắc Hồng	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 56"	106° 16' 12"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Bắc Lương	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 30"	106° 16' 07"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Bắc Phú	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 42"	106° 16' 09"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Bắc Thịnh	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 49"	106° 16' 14"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Bắc Tiến	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 32"	106° 15' 31"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Bắc Trung	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 33"	106° 15' 51"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Hòa Lạc	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 14' 58"	106° 16' 18"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Hòa Phong	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 16"	106° 15' 50"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Lam Sơn	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 05"	106° 16' 31"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Liên Phú	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 14' 25"	106° 16' 45"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Nam An	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 14' 32"	106° 16' 31"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Nam Tiến	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 14' 52"	106° 17' 04"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Phú Cường	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 14' 09"	106° 16' 36"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Phú Thọ	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 14' 34"	106° 16' 47"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Sơn Ký	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 48"	106° 16' 05"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Tây Sơn	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 14' 48"	106° 16' 21"					F-48-93-D-a
tổ dân phố Trung Hòa	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 15' 06"	106° 16' 40"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Việt Hưng	DC	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 14' 56"	106° 16' 44"					F-48-93-D-a
bến khách ngang sông Cống Múc	KX	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh	20° 14' 20"	106° 16' 44"					F-48-93-D-a
Đường tỉnh 488B	KX	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh			20° 17' 57"	106° 16' 56"	20° 14' 53"	106° 10' 39"	F-48-93-B-c
sông Ninh Cơ	TV	TT. Cát Thành	H. Trực Ninh			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-B-c, F-48-93-D-a
tổ dân phố Đình Cựu	DC	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 18' 54"	106° 16' 24"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Đông Bắc Đồng	DC	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 19' 10"	106° 16' 52"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Đông Đò	DC	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 18' 35"	106° 17' 06"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Nam Hà	DC	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 18' 29"	106° 16' 53"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Nghĩa Sơn	DC	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 18' 43"	106° 16' 43"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Song Khê	DC	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 18' 27"	106° 16' 29"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Tây Kênh	DC	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 19' 07"	106° 16' 45"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Thượng Đền	DC	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 19' 16"	106° 16' 23"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Trần Phú	DC	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 19' 18"	106° 15' 56"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Việt Cường	DC	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 19' 15"	106° 15' 44"					F-48-93-B-c
cầu Vô Tình	KX	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 18' 05"	106° 16' 43"					F-48-93-B-c
chùa Cổ Lễ	KX	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 19' 23"	106° 15' 46"					F-48-93-B-c
Đền thờ Trạng Nguyên Đào Sư Tích	KX	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 18' 49"	106° 16' 22"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 487	KX	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh			20° 20' 08"	106° 17' 58"	20° 15' 18"	106° 07' 11"	F-48-93-B-c
Mộ Trạng Nguyên Đào Sư Tích	KX	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 18' 52"	106° 16' 20"					F-48-93-B-c
Quốc lộ 21	KX	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-B-c
cống Cổ Lễ	TV	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh	20° 19' 33"	106° 15' 43"					F-48-93-B-c
Sông Hồng	TV	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-c
Sông Quýt	TV	TT. Cổ Lễ	H. Trực Ninh			20° 15' 24"	106° 14' 15"	20° 19' 35"	106° 15' 45"	F-48-93-B-c
tổ dân phố Bắc Đường	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 10' 10"	106° 11' 39"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Đạo Đường	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 12' 01"	106° 12' 09"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Đông Bắc	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 11' 42"	106° 12' 11"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Đông Bình	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 11' 21"	106° 12' 14"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Đống Lương	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 11' 31"	106° 11' 55"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Hồ Tây	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 11' 37"	106° 11' 52"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Nam Đường	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 09' 36"	106° 11' 35"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Nghị Bắc	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 11' 52"	106° 12' 18"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Nghị Nam	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 11' 35"	106° 12' 15"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Nghị Trung	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 11' 44"	106° 12' 16"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Tân Ninh	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 12' 08"	106° 11' 54"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Tây Đường 1	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 10' 18"	106° 11' 32"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Tây Đường 2	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 10' 25"	106° 11' 36"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Thanh Minh	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 12' 28"	106° 12' 08"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Trung Thành	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 10' 55"	106° 11' 38"					F-48-93-C-b
tổ dân phố Vị Nghĩa	DC	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 12' 15"	106° 12' 20"					F-48-93-C-b
cầu phao Ninh Cường	KX	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh	20° 12' 28"	106° 11' 40"					F-48-93-C-b
Quốc lộ 37B	KX	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-C-b
sông Ninh Cơ	TV	TT. Ninh Cường	H. Trực Ninh			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-b
xóm Ba Trại	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 08"	106° 19' 00"					F-48-93-B-c
Xóm Bắc	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 13"	106° 18' 14"					F-48-93-B-c
xóm Bắc Trường Hải	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 52"	106° 18' 22"					F-48-93-B-c
xóm Chợ Đường	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 05"	106° 18' 43"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm Chử	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 18"	106° 17' 31"					F-48-93-B-c
Xóm Chùa	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 16' 42"	106° 17' 51"					F-48-93-B-c
xóm Cựu Trường Hải	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 26"	106° 18' 16"					F-48-93-B-c
xóm Cựu Tuân Lục	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 21"	106° 18' 20"					F-48-93-B-c
Xóm Đảo	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 18"	106° 18' 04"					F-48-93-B-c
xóm Đồng Thiệu	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 58"	106° 17' 53"					F-48-93-B-c
xóm Đông Tuân Lục	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 30"	106° 18' 38"					F-48-93-B-c
xóm Hậu Trạch	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 30"	106° 17' 47"					F-48-93-B-c
xóm Hùng Thắng	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 06"	106° 18' 17"					F-48-93-B-c
xóm Hùng Vương	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 16' 52"	106° 18' 32"					F-48-93-B-c
xóm Lã Khê I	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 53"	106° 17' 29"					F-48-93-B-c
xóm Lã Khê II	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 57"	106° 17' 33"					F-48-93-B-c
xóm Lương Đồng Mỹ Lang	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 18' 14"	106° 16' 58"					F-48-93-B-c
Xóm Nam	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 41"	106° 17' 41"					F-48-93-B-c
xóm Nam Trường Hải	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 38"	106° 18' 14"					F-48-93-B-c
xóm Nam Tuân Lục	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 18"	106° 18' 43"					F-48-93-B-c
xóm Phúc Đình I	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 44"	106° 17' 17"					F-48-93-B-c
xóm Phúc Đình II	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 48"	106° 17' 26"					F-48-93-B-c
xóm Phương Lăng Vượt	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 22"	106° 17' 39"					F-48-93-B-c
xóm Quang Trung	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 16' 49"	106° 18' 06"					F-48-93-B-c
xóm Sinh Nát	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 16' 25"	106° 17' 38"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm Thượng	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 06"	106° 17' 18"					F-48-93-B-c
xóm Tiền Trạch	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 30"	106° 18' 00"					F-48-93-B-c
Xóm Trại	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 16' 50"	106° 17' 39"					F-48-93-B-c
xóm Trung Đình I	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 54"	106° 17' 42"					F-48-93-B-c
xóm Trung Đình II	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 45"	106° 17' 36"					F-48-93-B-c
xóm Trung Hưng Ngõa	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 36"	106° 17' 28"					F-48-93-B-c
xóm Trung I	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 02"	106° 17' 25"					F-48-93-B-c
xóm Trung II	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 05"	106° 17' 29"					F-48-93-B-c
xóm Vô Tình Ngoặt Kéo	DC	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 18' 01"	106° 16' 53"					F-48-93-B-c
cầu Chợ Đường	KX	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 02"	106° 18' 47"					F-48-93-B-c
cầu Thần Lộ	KX	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 28"	106° 17' 29"					F-48-93-B-c
cầu Vô Tình	KX	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 18' 05"	106° 16' 43"					F-48-93-B-c
đền Tuân Lục	KX	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh	20° 17' 24"	106° 18' 20"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 488B	KX	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh			20° 17' 57"	106° 16' 56"	20° 14' 53"	106° 10' 39"	F-48-93-B-c
Quốc lộ 21	KX	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-B-c
sông Ninh Cơ	TV	xã Liêm Hải	H. Trực Ninh			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-B-c
thôn An Ngoài	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 16"	106° 18' 01"					F-48-93-B-c
thôn An Trong	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 13"	106° 17' 33"					F-48-93-B-c
thôn Chợ Sồng	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 35"	106° 18' 11"					F-48-93-B-c
thôn Cổ Chất 1	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 56"	106° 18' 00"					F-48-93-B-c
thôn Cổ Chất 2	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 51"	106° 17' 48"					F-48-93-B-c
thôn Cự Trữ 1	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 39"	106° 17' 28"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Cự Trữ 2	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 43"	106° 17' 24"					F-48-93-B-c
thôn Cự Trữ 3	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 48"	106° 17' 35"					F-48-93-B-c
thôn Đại Thắng 1	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 17' 36"	106° 18' 47"					F-48-93-B-c
thôn Đại Thắng 2	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 17' 18"	106° 18' 55"					F-48-93-B-c
thôn Đại Thắng 3	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 17' 42"	106° 19' 10"					F-48-93-B-c
thôn Đại Thắng 4	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 17' 45"	106° 19' 28"					F-48-93-B-c
thôn Đại Thắng 5	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 17' 23"	106° 19' 28"					F-48-93-B-c
thôn Hòa Bình	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 39"	106° 17' 37"					F-48-93-B-c
thôn Hòa Lạc	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 48"	106° 18' 00"					F-48-93-B-c
thôn Hợp Hòa	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 19' 49"	106° 18' 24"					F-48-93-B-c
thôn Hợp Thịnh 1	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 19' 05"	106° 17' 58"					F-48-93-B-c
thôn Hợp Thịnh 2	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 19' 17"	106° 18' 26"					F-48-93-B-c
thôn Nhự Nương	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 59"	106° 17' 39"					F-48-93-B-c
thôn Phú Ninh	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 19' 00"	106° 17' 51"					F-48-93-B-c
thôn Phú Thịnh	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 48"	106° 18' 23"					F-48-93-B-c
thôn Phương Hạ	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 14"	106° 18' 13"					F-48-93-B-c
thôn Tiền Tiên	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 26"	106° 17' 44"					F-48-93-B-c
thôn Trung Khê	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 19' 14"	106° 17' 49"					F-48-93-B-c
thôn Văn Cảnh	DC	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 24"	106° 18' 01"					F-48-93-B-c
chùa Cổ Chất	KX	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 53"	106° 17' 46"					F-48-93-B-c
chùa Cự Trữ	KX	xã Phương Định	H. Trực Ninh	20° 18' 42"	106° 17' 20"					F-48-93-B-c
sông Ninh Cơ	TV	xã Phương Định	H. Trực Ninh			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Dịch Diệp	DC	xã Trực Chính	H. Trực Ninh	20° 19' 18"	106° 17' 01"					F-48-93-B-c
xóm An Bình	DC	xã Trực Chính	H. Trực Ninh	20° 19' 50"	106° 17' 12"					F-48-93-B-c
xóm An Định	DC	xã Trực Chính	H. Trực Ninh	20° 19' 26"	106° 17' 36"					F-48-93-B-c
xóm An Khánh	DC	xã Trực Chính	H. Trực Ninh	20° 19' 31"	106° 17' 17"					F-48-93-B-c
xóm An Ninh	DC	xã Trực Chính	H. Trực Ninh	20° 20' 07"	106° 17' 33"					F-48-93-B-c
xóm An Thành	DC	xã Trực Chính	H. Trực Ninh	20° 19' 43"	106° 17' 23"					F-48-93-B-c
xóm An Thịnh	DC	xã Trực Chính	H. Trực Ninh	20° 19' 36"	106° 17' 30"					F-48-93-B-c
xóm An Trạch	DC	xã Trực Chính	H. Trực Ninh	20° 19' 56"	106° 18' 15"					F-48-93-B-c
xóm An Vinh	DC	xã Trực Chính	H. Trực Ninh	20° 19' 57"	106° 17' 57"					F-48-93-B-c
bến khách ngang sông Duy Nhất	KX	xã Trực Chính	H. Trực Ninh	20° 20' 14"	106° 17' 28"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 487	KX	xã Trực Chính	H. Trực Ninh			20° 20' 08"	106° 17' 58"	20° 15' 18"	106° 07' 11"	F-48-93-B-c
Sông Hồng	TV	xã Trực Chính	H. Trực Ninh			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-c
sông Ninh Cơ	TV	xã Trực Chính	H. Trực Ninh			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-B-c
xóm An Cường	DC	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 11' 21"	106° 12' 37"					F-48-93-C-b
xóm An Ninh	DC	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 11' 45"	106° 12' 42"					F-48-93-C-b
xóm Đề Thám	DC	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 12' 09"	106° 12' 46"					F-48-93-C-b
xóm Đức Long	DC	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 11' 20"	106° 12' 30"					F-48-93-C-b
xóm Hậu Đồng	DC	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 12' 38"	106° 13' 03"					F-48-93-C-b
xóm Hồng Phong	DC	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 12' 56"	106° 13' 01"					F-48-93-C-b
xóm Hồng Thái	DC	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 12' 44"	106° 12' 48"					F-48-93-C-b
xóm Khang Ninh	DC	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 11' 39"	106° 12' 54"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nam Hòa	DC	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 09' 58"	106° 12' 29"					F-48-93-C-b
xóm Nhân Nghĩa	DC	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 12' 00"	106° 12' 30"					F-48-93-C-b
xóm Phú Cường	DC	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 10' 38"	106° 12' 40"					F-48-93-C-b
xóm Phú Ninh	DC	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 10' 53"	106° 12' 27"					F-48-93-C-b
xóm Thái Hòa	DC	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 10' 15"	106° 12' 37"					F-48-93-C-b
xóm Thái Học	DC	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 12' 14"	106° 13' 01"					F-48-93-C-b
chùa Ninh Cường	KX	xã Trực Cường	H. Trực Ninh	20° 12' 11"	106° 12' 46"					F-48-93-C-b
Quốc lộ 37B	KX	xã Trực Cường	H. Trực Ninh			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-C-b
sông Ninh Cơ	TV	xã Trực Cường	H. Trực Ninh			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-b
Xóm 3	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 12' 22"	106° 14' 45"					F-48-93-C-b
Xóm 4	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 12' 17"	106° 14' 31"					F-48-93-C-b
Xóm 5	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 12' 19"	106° 14' 26"					F-48-93-C-b
Xóm 6	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 12' 15"	106° 14' 12"					F-48-93-C-b
Xóm 7	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 12' 16"	106° 14' 03"					F-48-93-C-b
Xóm 10	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 12' 45"	106° 14' 05"					F-48-93-C-b
Xóm 13	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 12' 54"	106° 14' 53"					F-48-93-C-b
Xóm 21	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 12' 53"	106° 13' 36"					F-48-93-C-b
Xóm 22	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 12' 56"	106° 13' 56"					F-48-93-C-b
xóm Cường Hải	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 13' 45"	106° 14' 21"					F-48-93-C-b
xóm Cường Liêm	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 13' 17"	106° 13' 32"					F-48-93-C-b
xóm Cường Nghĩa	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 13' 31"	106° 13' 56"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cường Phú	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 13' 05"	106° 13' 36"					F-48-93-C-b
xóm Cường Sơn	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 14' 01"	106° 14' 34"					F-48-93-C-b
xóm Cường Thịnh	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 13' 24"	106° 14' 10"					F-48-93-C-b
xóm Cường Tiến	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 13' 06"	106° 14' 44"					F-48-93-C-b
xóm Khai Minh	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 11' 49"	106° 14' 44"					F-48-93-C-b
xóm Khai Quang	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 12' 13"	106° 14' 51"					F-48-93-C-b
xóm Khuân Đông	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 12' 47"	106° 14' 33"					F-48-93-C-b
xóm Nam Cường	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 11' 45"	106° 14' 04"					F-48-93-C-b
xóm Trung Khuân	DC	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 12' 51"	106° 14' 24"					F-48-93-C-b
bến khách ngang sông Thanh Đại	KX	xã Trực Đại	H. Trực Ninh	20° 14' 02"	106° 14' 10"					F-48-93-C-b
Quốc lộ 21B	KX	xã Trực Đại	H. Trực Ninh			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-C-b
Quốc lộ 37B	KX	xã Trực Đại	H. Trực Ninh			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-C-b
sông Ninh Cơ	TV	xã Trực Đại	H. Trực Ninh			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-b
Sông Thốp	TV	xã Trực Đại	H. Trực Ninh			20° 09' 46"	106° 13' 53"	20° 13' 58"	106° 14' 03"	F-48-93-C-b
Thôn 1	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 34"	106° 15' 07"					F-48-93-B-c
Thôn 2	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 40"	106° 15' 08"					F-48-93-B-c
Thôn 3	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 35"	106° 15' 12"					F-48-93-B-c
Thôn 4	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 29"	106° 15' 38"					F-48-93-B-c
Thôn 5	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 29"	106° 15' 16"					F-48-93-B-c
Thôn 6	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 29"	106° 15' 12"					F-48-93-B-c
Thôn 7	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 27"	106° 15' 05"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 8	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 24"	106° 14' 43"					F-48-93-A-d
Thôn 9	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 10"	106° 14' 47"					F-48-93-A-d
Thôn 10	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 15' 46"	106° 14' 56"					F-48-93-A-d
Thôn 11	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 15' 30"	106° 14' 42"					F-48-93-A-d
Thôn 12	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 15' 30"	106° 15' 14"					F-48-93-B-c
Thôn 13	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 15' 49"	106° 15' 17"					F-48-93-B-c
Thôn 14	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 15' 58"	106° 15' 15"					F-48-93-B-c
Thôn 15	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 01"	106° 15' 26"					F-48-93-B-c
Thôn 16	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 15' 53"	106° 15' 27"					F-48-93-B-c
Thôn 17	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 15' 50"	106° 15' 38"					F-48-93-B-c
Thôn 18	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 01"	106° 15' 30"					F-48-93-B-c
Thôn 19	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 00"	106° 15' 35"					F-48-93-B-c
Thôn 20	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 00"	106° 15' 41"					F-48-93-B-c
Thôn 21	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 02"	106° 15' 44"					F-48-93-B-c
Thôn 22	DC	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh	20° 16' 02"	106° 15' 47"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 488B	KX	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh			20° 17' 57"	106° 16' 56"	20° 14' 53"	106° 10' 39"	F-48-93-A-d, F-48-93-B-c
sông Ninh Cơ	TV	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-B-c
Sông Quýt (Đò Giang)	TV	xã Trực Đạo	H. Trực Ninh			20° 15' 24"	106° 14' 15"	20° 19' 35"	106° 15' 45"	F-48-93-A-d, F-48-93-B-c
Xóm 1	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 12' 14"	106° 11' 46"					F-48-93-C-b
Xóm 2	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 12' 00"	106° 11' 54"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 3	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 12' 01"	106° 11' 23"					F-48-93-C-b
Xóm 4	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 11' 47"	106° 11' 43"					F-48-93-C-b
Xóm 5	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 11' 44"	106° 11' 29"					F-48-93-C-b
Xóm 6	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 11' 41"	106° 11' 23"					F-48-93-C-b
Xóm 7	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 11' 38"	106° 11' 13"					F-48-93-C-b
Xóm 8	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 11' 15"	106° 11' 26"					F-48-93-C-b
Xóm 9	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 11' 17"	106° 11' 17"					F-48-93-C-b
Xóm 10	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 11' 20"	106° 11' 13"					F-48-93-C-b
Xóm 11	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 09' 08"	106° 10' 45"					F-48-93-C-b
Xóm 12	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 09' 31"	106° 10' 44"					F-48-93-C-b
Xóm 13	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 09' 52"	106° 11' 05"					F-48-93-C-b
Xóm 14	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 09' 57"	106° 11' 07"					F-48-93-C-b
Xóm 15	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 10' 13"	106° 10' 49"					F-48-93-C-b
Xóm 16	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 10' 43"	106° 10' 57"					F-48-93-C-b
Xóm 17	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 10' 49"	106° 10' 58"					F-48-93-C-b
Xóm 18	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 10' 34"	106° 11' 03"					F-48-93-C-b
Xóm 19	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 10' 34"	106° 11' 09"					F-48-93-C-b
Xóm 20	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 10' 35"	106° 11' 17"					F-48-93-C-b
Xóm 21	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 10' 30"	106° 11' 19"					F-48-93-C-b
Xóm 22	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 10' 26"	106° 11' 15"					F-48-93-C-b
Xóm 23	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 10' 35"	106° 10' 55"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 24	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 11' 40"	106° 11' 47"					F-48-93-C-b
Xóm 25	DC	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 12' 12"	106° 11' 50"					F-48-93-C-b
cầu phao Ninh Cường	KX	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 12' 28"	106° 11' 40"					F-48-93-C-b
Hợp tác xã Nông nghiệp Việt Hùng	KX	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 10' 38"	106° 11' 09"					F-48-93-C-b
Hợp tác xã Nông nghiệp Việt Tiến	KX	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh	20° 10' 17"	106° 10' 51"					F-48-93-C-b
Quốc lộ 37B	KX	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-C-b
sông Ninh Cơ	TV	xã Trực Hùng	H. Trực Ninh			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-b
Xóm 1	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 16' 28"	106° 13' 21"					F-48-93-A-d
Xóm 2	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 16' 26"	106° 13' 14"					F-48-93-A-d
Xóm 3	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 16' 38"	106° 12' 54"					F-48-93-A-d
Xóm 4	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 16' 24"	106° 13' 02"					F-48-93-A-d
Xóm 5	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 16' 07"	106° 13' 04"					F-48-93-A-d
Xóm 6	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 16' 03"	106° 12' 58"					F-48-93-A-d
Xóm 7	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 15' 42"	106° 12' 36"					F-48-93-A-d
Xóm 8	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 15' 51"	106° 12' 38"					F-48-93-A-d
Xóm 9	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 15' 58"	106° 12' 16"					F-48-93-A-d
Xóm 10	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 15' 55"	106° 12' 06"					F-48-93-A-d
Xóm 11	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 15' 19"	106° 12' 14"					F-48-93-A-d
Xóm 12	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 15' 08"	106° 12' 16"					F-48-93-A-d
Xóm 13	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 15' 21"	106° 12' 49"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 14	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 15' 07"	106° 12' 48"					F-48-93-A-d
Xóm 15	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 15' 35"	106° 12' 15"					F-48-93-A-d
Xóm 16	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 16' 21"	106° 12' 52"					F-48-93-A-d
Xóm 17	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 15' 44"	106° 11' 26"					F-48-93-A-d
Xóm 18	DC	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 16' 50"	106° 13' 21"					F-48-93-A-d
đền Quan Quận	KX	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 15' 22"	106° 12' 21"					F-48-93-A-d
Đền Trần	KX	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh	20° 15' 32"	106° 12' 12"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 488B	KX	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh			20° 17' 57"	106° 16' 56"	20° 14' 53"	106° 10' 39"	F-48-93-A-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-d
Sông Rõng	TV	xã Trực Hưng	H. Trực Ninh			20° 16' 54"	106° 13' 18"	20° 12' 34"	106° 11' 41"	F-48-93-A-d
Xóm 1	DC	xã Trực Khang	H. Trực Ninh	20° 15' 10"	106° 11' 31"					F-48-93-A-d
Xóm 2	DC	xã Trực Khang	H. Trực Ninh	20° 15' 03"	106° 11' 39"					F-48-93-A-d
Xóm 3	DC	xã Trực Khang	H. Trực Ninh	20° 14' 59"	106° 11' 32"					F-48-93-C-b
Xóm 4	DC	xã Trực Khang	H. Trực Ninh	20° 14' 55"	106° 11' 32"					F-48-93-C-b
Xóm 5	DC	xã Trực Khang	H. Trực Ninh	20° 14' 52"	106° 11' 37"					F-48-93-C-b
Xóm 6	DC	xã Trực Khang	H. Trực Ninh	20° 15' 27"	106° 11' 55"					F-48-93-A-d
Xóm 7	DC	xã Trực Khang	H. Trực Ninh	20° 15' 13"	106° 11' 51"					F-48-93-A-d
Xóm 8	DC	xã Trực Khang	H. Trực Ninh	20° 15' 06"	106° 11' 55"					F-48-93-A-d
Xóm 9	DC	xã Trực Khang	H. Trực Ninh	20° 14' 58"	106° 11' 53"					F-48-93-C-b
Xóm 10	DC	xã Trực Khang	H. Trực Ninh	20° 15' 16"	106° 12' 03"					F-48-93-A-d
Xóm 11	DC	xã Trực Khang	H. Trực Ninh	20° 15' 03"	106° 12' 11"					F-48-93-A-d
Xóm 12	DC	xã Trực Khang	H. Trực Ninh	20° 14' 14"	106° 11' 53"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 13	DC	xã Trực Khang	H. Trực Ninh	20° 14' 01"	106° 11' 52"					F-48-93-C-b
Xóm 14	DC	xã Trực Khang	H. Trực Ninh	20° 15' 39"	106° 11' 19"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 488B	KX	xã Trực Khang	H. Trực Ninh			20° 17' 57"	106° 16' 56"	20° 14' 53"	106° 10' 39"	F-48-93-A-d
Sông Rõng	TV	xã Trực Khang	H. Trực Ninh			20° 16' 54"	106° 13' 18"	20° 12' 34"	106° 11' 41"	F-48-93-A-d
Thôn 1	DC	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh	20° 14' 50"	106° 12' 19"					F-48-93-C-b
Thôn 2	DC	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh	20° 14' 46"	106° 12' 17"					F-48-93-C-b
Thôn 3	DC	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh	20° 14' 43"	106° 12' 25"					F-48-93-C-b
Thôn 4	DC	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh	20° 14' 30"	106° 12' 34"					F-48-93-C-b
Thôn 5	DC	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh	20° 14' 40"	106° 12' 40"					F-48-93-C-b
Thôn 6	DC	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh	20° 14' 04"	106° 12' 57"					F-48-93-C-b
Thôn 7	DC	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh	20° 14' 06"	106° 12' 51"					F-48-93-C-b
Thôn 8	DC	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh	20° 13' 57"	106° 12' 59"					F-48-93-C-b
Thôn 9	DC	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh	20° 13' 56"	106° 12' 54"					F-48-93-C-b
Thôn 10	DC	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh	20° 13' 40"	106° 12' 47"					F-48-93-C-b
Thôn 11	DC	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh	20° 13' 35"	106° 12' 42"					F-48-93-C-b
Thôn 12	DC	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh	20° 13' 30"	106° 12' 24"					F-48-93-C-b
Thôn 13	DC	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh	20° 13' 29"	106° 12' 13"					F-48-93-C-b
Thôn 14	DC	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh	20° 13' 33"	106° 12' 05"					F-48-93-C-b
sông Ninh Cơ	TV	xã Trực Mỹ	H. Trực Ninh			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-b
Xóm 1	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 16' 11"	106° 13' 31"					F-48-93-A-d
Xóm 2	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 16' 08"	106° 13' 27"					F-48-93-A-d
Xóm 3	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 15' 23"	106° 13' 30"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 4	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 15' 25"	106° 13' 44"					F-48-93-A-d
Xóm 5	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 15' 22"	106° 13' 03"					F-48-93-A-d
Xóm 6	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 15' 20"	106° 13' 11"					F-48-93-A-d
Xóm 7	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 15' 27"	106° 13' 04"					F-48-93-A-d
Xóm 8	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 15' 34"	106° 12' 49"					F-48-93-A-d
Xóm 9	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 15' 08"	106° 13' 03"					F-48-93-A-d
Xóm 10	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 15' 10"	106° 13' 10"					F-48-93-A-d
Xóm 11	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 15' 03"	106° 13' 09"					F-48-93-A-d
Xóm 12	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 14' 30"	106° 13' 19"					F-48-93-C-b
Xóm 13	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 14' 58"	106° 13' 29"					F-48-93-C-b
Xóm 14	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 14' 56"	106° 13' 37"					F-48-93-C-b
Xóm 15	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 14' 53"	106° 13' 35"					F-48-93-C-b
Xóm 16	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 14' 52"	106° 13' 29"					F-48-93-C-b
Xóm 17	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 14' 15"	106° 13' 34"					F-48-93-C-b
Xóm 18	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 13' 51"	106° 13' 21"					F-48-93-C-b
Xóm 19	DC	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 13' 57"	106° 13' 09"					F-48-93-C-b
chùa Làng Sa Đê	KX	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 15' 38"	106° 12' 44"					F-48-93-A-d
đền Làng Sa Đê	KX	xã Trực Nội	H. Trực Ninh	20° 15' 37"	106° 12' 42"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 488B	KX	xã Trực Nội	H. Trực Ninh			20° 17' 57"	106° 16' 56"	20° 14' 53"	106° 10' 39"	F-48-93-A-d
Quốc lộ 21B	KX	xã Trực Nội	H. Trực Ninh			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-A-d, F-48-93-C-b
sông Ninh Cơ	TV	xã Trực Nội	H. Trực Ninh			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 1	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 12' 15"	106° 13' 50"					F-48-93-C-b
Xóm 2	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 12' 13"	106° 13' 42"					F-48-93-C-b
Xóm 3	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 12' 01"	106° 13' 36"					F-48-93-C-b
Xóm 4	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 12' 12"	106° 13' 35"					F-48-93-C-b
Xóm 5	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 12' 02"	106° 13' 27"					F-48-93-C-b
Xóm 6	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 11' 54"	106° 13' 06"					F-48-93-C-b
Xóm 7	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 11' 39"	106° 13' 47"					F-48-93-C-b
Xóm 8	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 11' 17"	106° 13' 34"					F-48-93-C-b
Xóm 9	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 11' 19"	106° 13' 04"					F-48-93-C-b
Xóm 10	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 10' 55"	106° 13' 25"					F-48-93-C-b
Xóm 11	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 10' 55"	106° 13' 01"					F-48-93-C-b
Xóm 12	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 10' 38"	106° 12' 54"					F-48-93-C-b
Xóm 13	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 10' 14"	106° 13' 10"					F-48-93-C-b
Xóm 14	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 10' 05"	106° 13' 07"					F-48-93-C-b
Xóm 15	DC	xã Trực Thái	H. Trực Ninh	20° 09' 46"	106° 13' 07"					F-48-93-C-b
Quốc lộ 21B	KX	xã Trực Thái	H. Trực Ninh			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-C-b
Quốc lộ 37B	KX	xã Trực Thái	H. Trực Ninh			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-C-b
Xóm 1	DC	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh	20° 11' 38"	106° 14' 20"					F-48-93-C-b
Xóm 2	DC	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh	20° 11' 13"	106° 14' 14"					F-48-93-C-b
Xóm 3	DC	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh	20° 10' 56"	106° 14' 14"					F-48-93-C-b
Xóm 4	DC	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh	20° 10' 32"	106° 14' 07"					F-48-93-C-b
Xóm 5	DC	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh	20° 10' 23"	106° 14' 04"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 6	DC	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh	20° 10' 07"	106° 14' 23"					F-48-93-C-b
Xóm 7	DC	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh	20° 10' 13"	106° 14' 01"					F-48-93-C-b
Xóm 8	DC	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh	20° 10' 06"	106° 13' 53"					F-48-93-C-b
Xóm 9	DC	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh	20° 09' 45"	106° 13' 28"					F-48-93-C-b
Xóm 10	DC	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh	20° 10' 06"	106° 13' 36"					F-48-93-C-b
Xóm 11	DC	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh	20° 10' 28"	106° 13' 48"					F-48-93-C-b
Xóm 12	DC	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh	20° 10' 47"	106° 13' 58"					F-48-93-C-b
Xóm 13	DC	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh	20° 11' 08"	106° 14' 04"					F-48-93-C-b
Xóm 14	DC	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh	20° 11' 12"	106° 14' 07"					F-48-93-C-b
Quốc lộ 21B	KX	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh			20° 27' 45"	106° 04' 44"	20° 03' 29"	106° 07' 42"	F-48-93-C-b
Sông Thốp	TV	xã Trực Thắng	H. Trực Ninh			20° 09' 46"	106° 13' 53"	20° 13' 58"	106° 14' 03"	F-48-93-C-b
Xóm 1	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 15' 38"	106° 14' 01"					F-48-93-A-d
Xóm 2	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 15' 25"	106° 14' 01"					F-48-93-A-d
Xóm 3	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 15' 42"	106° 14' 16"					F-48-93-A-d
Xóm 4	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 15' 40"	106° 14' 23"					F-48-93-A-d
Xóm 5	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 15' 28"	106° 14' 21"					F-48-93-A-d
Xóm 6	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 15' 32"	106° 14' 24"					F-48-93-A-d
Xóm 7	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 15' 08"	106° 14' 33"					F-48-93-A-d
Xóm 8	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 15' 03"	106° 14' 42"					F-48-93-A-d
Xóm 9	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 14' 58"	106° 14' 51"					F-48-93-C-b
Xóm 10	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 14' 56"	106° 14' 22"					F-48-93-C-b
Xóm 11	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 14' 42"	106° 14' 15"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 12	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 14' 24"	106° 14' 07"					F-48-93-C-b
Xóm 13	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 14' 16"	106° 14' 12"					F-48-93-C-b
Xóm 14	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 14' 45"	106° 14' 27"					F-48-93-C-b
Xóm 15	DC	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 14' 46"	106° 14' 22"					F-48-93-C-b
bến khách ngang sông Thanh Đại	KX	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh	20° 14' 06"	106° 14' 07"					F-48-93-C-b
Đường tỉnh 488B	KX	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh			20° 17' 57"	106° 16' 56"	20° 14' 53"	106° 10' 39"	F-48-93-A-d
sông Cái Bản	TV	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh			20° 15' 24"	106° 14' 15"	20° 13' 58"	106° 13' 52"	F-48-93-A-d, F-48-93-C-b
sông Ninh Cơ	TV	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-B-c, F-48-93-C-b, F-48-93-D-a
Sông Quýt	TV	xã Trực Thanh	H. Trực Ninh			20° 15' 24"	106° 14' 15"	20° 19' 35"	106° 15' 45"	F-48-93-A-d
Thôn 1	DC	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh	20° 14' 53"	106° 10' 46"					F-48-93-C-b
Thôn 2	DC	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh	20° 14' 37"	106° 10' 48"					F-48-93-C-b
Thôn 3	DC	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh	20° 14' 28"	106° 10' 47"					F-48-93-C-b
Thôn 4	DC	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh	20° 13' 58"	106° 10' 55"					F-48-93-C-b
Thôn 5	DC	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh	20° 14' 40"	106° 11' 06"					F-48-93-C-b
Thôn 6	DC	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh	20° 14' 50"	106° 11' 26"					F-48-93-C-b
Thôn 7	DC	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh	20° 14' 03"	106° 11' 27"					F-48-93-C-b
Thôn 8	DC	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh	20° 13' 36"	106° 11' 36"					F-48-93-C-b
Thôn 9	DC	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh	20° 13' 40"	106° 11' 42"					F-48-93-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Thôn 10	DC	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh	20° 13' 30"	106° 12' 01"					F-48-93-C-b
Thôn 11	DC	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh	20° 13' 26"	106° 11' 46"					F-48-93-C-b
Thôn 12	DC	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh	20° 13' 24"	106° 12' 01"					F-48-93-C-b
cầu Đông Thụ	KX	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh	20° 15' 03"	106° 10' 58"					F-48-93-A-d
Cầu Tây	KX	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh	20° 15' 12"	106° 10' 33"					F-48-93-A-d
Đường tỉnh 488B	KX	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh			20° 17' 57"	106° 16' 56"	20° 14' 53"	106° 10' 39"	F-48-93-A-d, F-48-93-C-b
Đường tỉnh 490C	KX	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh			20° 25' 11"	106° 10' 49"	19° 58' 08"	106° 08' 13"	F-48-93-A-d, F-48-93-C-b
sông Ninh Cơ	TV	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-C-b
Sông Rõng	TV	xã Trực Thuận	H. Trực Ninh			20° 16' 54"	106° 13' 18"	20° 12' 34"	106° 11' 41"	F-48-93-A-d, F-48-93-C-b
Xóm 1	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 16' 11"	106° 17' 15"					F-48-93-B-c
Xóm 2	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 16' 41"	106° 17' 11"					F-48-93-B-c
Xóm 3	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 16' 40"	106° 16' 58"					F-48-93-B-c
Xóm 4	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 16' 26"	106° 16' 49"					F-48-93-B-c
Xóm 5	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 16' 29"	106° 16' 46"					F-48-93-B-c
Xóm 6	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 16' 27"	106° 16' 39"					F-48-93-B-c
Xóm 7	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 16' 29"	106° 16' 32"					F-48-93-B-c
Xóm 8	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 16' 18"	106° 16' 32"					F-48-93-B-c
Xóm 9	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 16' 13"	106° 16' 24"					F-48-93-B-c
Xóm 10	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 16' 02"	106° 16' 29"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 11	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 16' 15"	106° 16' 05"					F-48-93-B-c
Xóm 12	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 16' 23"	106° 16' 14"					F-48-93-B-c
Xóm 13	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 16' 41"	106° 16' 04"					F-48-93-B-c
Xóm 14	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 16' 50"	106° 15' 39"					F-48-93-B-c
Xóm 15	DC	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh	20° 17' 10"	106° 15' 56"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 488B	KX	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh			20° 17' 57"	106° 16' 56"	20° 14' 53"	106° 10' 39"	F-48-93-B-c
Sông Quýt	TV	xã Trực Tuấn	H. Trực Ninh			20° 15' 24"	106° 14' 15"	20° 19' 35"	106° 15' 45"	F-48-93-B-c
Xóm 1	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 19' 01"	106° 15' 42"					F-48-93-B-c
Xóm 2	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 55"	106° 15' 47"					F-48-93-B-c
Xóm 3	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 48"	106° 16' 03"					F-48-93-B-c
Xóm 4	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 45"	106° 15' 38"					F-48-93-B-c
Xóm 5	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 42"	106° 15' 46"					F-48-93-B-c
Xóm 6	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 40"	106° 15' 43"					F-48-93-B-c
Xóm 7	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 29"	106° 15' 46"					F-48-93-B-c
Xóm 8	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 27"	106° 15' 42"					F-48-93-B-c
Xóm 9	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 21"	106° 15' 40"					F-48-93-B-c
Xóm 10	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 14"	106° 15' 39"					F-48-93-B-c
Xóm 11	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 21"	106° 15' 32"					F-48-93-B-c
Xóm 12	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 31"	106° 15' 33"					F-48-93-B-c
Xóm 13	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 28"	106° 15' 28"					F-48-93-B-c
Xóm 14	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 45"	106° 15' 02"					F-48-93-B-c
Xóm 15	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 20"	106° 15' 17"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 16	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 15"	106° 15' 22"					F-48-93-B-c
Xóm 17	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 11"	106° 16' 14"					F-48-93-B-c
Xóm 18	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 04"	106° 16' 16"					F-48-93-B-c
Xóm 19	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 17' 57"	106° 16' 52"					F-48-93-B-c
Xóm 20	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 17' 35"	106° 16' 44"					F-48-93-B-c
Xóm 21	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 17' 32"	106° 16' 48"					F-48-93-B-c
Xóm 22	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 17' 17"	106° 17' 07"					F-48-93-B-c
Xóm 23	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 17' 30"	106° 16' 39"					F-48-93-B-c
Xóm 24	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 17' 24"	106° 16' 44"					F-48-93-B-c
Xóm 25	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 17' 26"	106° 16' 47"					F-48-93-B-c
Xóm 26	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 17' 19"	106° 16' 34"					F-48-93-B-c
Xóm 27	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 17' 06"	106° 16' 43"					F-48-93-B-c
Xóm 28	DC	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 17' 18"	106° 15' 56"					F-48-93-B-c
Di tích lịch sử Địa điểm các Đồn binh thời Trần	KX	xã Trung Đông	H. Trực Ninh	20° 18' 07"	106° 16' 13"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 487	KX	xã Trung Đông	H. Trực Ninh			20° 20' 08"	106° 17' 58"	20° 15' 18"	106° 07' 11"	F-48-93-B-c
Quốc lộ 21	KX	xã Trung Đông	H. Trực Ninh			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-B-c
Sông Quýt	TV	xã Trung Đông	H. Trực Ninh			20° 15' 24"	106° 14' 15"	20° 19' 35"	106° 15' 45"	F-48-93-A-d, F-48-93-B-c
Xóm 13	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 15' 43"	106° 18' 22"					F-48-93-B-c
xóm Bắc Phong	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 15' 51"	106° 17' 45"					F-48-93-B-c
xóm Bắc Sơn	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 16' 47"	106° 18' 46"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bình Minh 1	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 16' 20"	106° 17' 28"					F-48-93-B-c
xóm Bình Minh 2	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 16' 05"	106° 17' 35"					F-48-93-B-c
xóm Chín 1	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 16' 10"	106° 18' 56"					F-48-93-B-c
xóm Chín 2	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 15' 59"	106° 18' 57"					F-48-93-B-c
xóm Đoài 1	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 16' 28"	106° 18' 06"					F-48-93-B-c
xóm Đoài 2	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 16' 24"	106° 18' 11"					F-48-93-B-c
xóm Đông 1	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 16' 24"	106° 18' 43"					F-48-93-B-c
xóm Đông 2	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 16' 33"	106° 18' 29"					F-48-93-B-c
xóm Đồng Tiến	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 15' 18"	106° 17' 29"					F-48-93-B-c
xóm Nam Cường	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 15' 48"	106° 17' 25"					F-48-93-B-c
xóm Nam Cựu 1	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 16' 28"	106° 18' 23"					F-48-93-B-c
xóm Nam Cựu 2	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 16' 22"	106° 18' 18"					F-48-93-B-c
xóm Nam Hùng	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 15' 45"	106° 17' 33"					F-48-93-B-c
xóm Nam Tiến (xóm Trực Bình)	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 15' 16"	106° 18' 01"					F-48-93-B-c
xóm Nam Tiến (xóm Trực Tĩnh)	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 16' 12"	106° 18' 22"					F-48-93-B-c
xóm Phượng Tường 1	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 16' 47"	106° 19' 04"					F-48-93-B-c
xóm Phượng Tường 2	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 16' 39"	106° 19' 05"					F-48-93-B-c
xóm Trung 1	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 15' 54"	106° 17' 58"					F-48-93-B-c
xóm Trung 2	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 15' 47"	106° 17' 54"					F-48-93-B-c
xóm Trung Hải	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 15' 39"	106° 18' 15"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trung Thành 1	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 15' 55"	106° 17' 29"					F-48-93-B-c
xóm Trung Thành 2	DC	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 15' 52"	106° 17' 36"					F-48-93-B-c
cầu Chợ Đường	KX	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 17' 02"	106° 18' 47"					F-48-93-B-c
cầu Lạc Quần	KX	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 15' 59"	106° 19' 04"					F-48-93-B-c
cầu Phượng Tường	KX	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh	20° 16' 17"	106° 18' 55"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 488B	KX	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh			20° 17' 57"	106° 16' 56"	20° 14' 53"	106° 10' 39"	F-48-93-B-c
Quốc lộ 21	KX	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-B-c
sông Ninh Cơ	TV	xã Việt Hùng	H. Trực Ninh			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-B-c, F-48-93-D-a
tổ dân phố Đông Côi Sơn	DC	TT. Gôi	H. Vụ Bản	20° 19' 50"	106° 05' 14"					F-48-93-A-c
tổ dân phố Lương Thế Vinh	DC	TT. Gôi	H. Vụ Bản	20° 20' 12"	106° 05' 12"					F-48-93-A-c
tổ dân phố Mỹ Côi	DC	TT. Gôi	H. Vụ Bản	20° 20' 07"	106° 04' 37"					F-48-93-A-c
tổ dân phố Non Côi	DC	TT. Gôi	H. Vụ Bản	20° 19' 57"	106° 04' 24"					F-48-93-A-c
tổ dân phố Tây Côi Sơn	DC	TT. Gôi	H. Vụ Bản	20° 19' 47"	106° 04' 55"					F-48-93-A-c
tổ dân phố Tây Sơn	DC	TT. Gôi	H. Vụ Bản	20° 19' 57"	106° 04' 14"					F-48-93-A-c
tổ dân phố Trần Huy Liệu	DC	TT. Gôi	H. Vụ Bản	20° 20' 04"	106° 04' 17"					F-48-93-A-c
tổ dân phố Vân Côi	DC	TT. Gôi	H. Vụ Bản	20° 20' 14"	106° 04' 47"					F-48-93-A-c
tổ dân phố Văn Côi	DC	TT. Gôi	H. Vụ Bản	20° 19' 53"	106° 04' 43"					F-48-93-A-c
cầu Dư Duệ	KX	TT. Gôi	H. Vụ Bản	20° 19' 34"	106° 04' 48"					F-48-93-A-c
ga Núi Gôi	KX	TT. Gôi	H. Vụ Bản	20° 19' 57"	106° 04' 30"					F-48-93-A-c
Nhà máy Tấm lợp Thái Nguyên	KX	TT. Gôi	H. Vụ Bản	20° 20' 07"	106° 04' 20"					F-48-93-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 10	KX	TT. Gôi	H. Vụ Bản			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-c
Quốc lộ 37B	KX	TT. Gôi	H. Vụ Bản			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-A-c
Núi Gôi	SV	TT. Gôi	H. Vụ Bản	20° 19' 47"	106° 04' 28"					F-48-93-A-c
thôn Bối La	DC	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản	20° 24' 12"	106° 04' 34"					F-48-93-A-a
thôn Bối Xuyên Hạ	DC	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản	20° 23' 38"	106° 03' 40"					F-48-93-A-a
thôn Bối Xuyên Thượng	DC	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản	20° 24' 00"	106° 03' 37"					F-48-93-A-a
thôn Bùi Trung	DC	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản	20° 24' 10"	106° 03' 58"					F-48-93-A-a
thôn Châu Bạc	DC	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản	20° 22' 59"	106° 04' 35"					F-48-93-A-a
thôn Ngọc Sài	DC	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản	20° 23' 00"	106° 04' 01"					F-48-93-A-a
thôn Ngọc Thành	DC	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản	20° 23' 07"	106° 03' 59"					F-48-93-A-a
thôn Phúc Lương	DC	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản	20° 22' 58"	106° 04' 17"					F-48-93-A-a
Thôn Tháp	DC	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản	20° 23' 13"	106° 04' 25"					F-48-93-A-a
thôn Thiện Vịnh	DC	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản	20° 22' 43"	106° 04' 08"					F-48-93-A-a
thôn Thông Khê	DC	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản	20° 22' 48"	106° 03' 47"					F-48-93-A-a
Thôn Vậy	DC	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản	20° 24' 15"	106° 04' 15"					F-48-93-A-a
Cầu Vậy	KX	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản	20° 23' 58"	106° 04' 15"					F-48-93-A-a
Đường tỉnh 486B	KX	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản			20° 27' 24"	106° 03' 38"	20° 22' 22"	106° 04' 10"	F-48-93-A-a, F-48-93-A-c
Quốc lộ 38B	KX	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản			20° 28' 53"	106° 10' 42"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-a, F-48-93-A-c
sông Tiên Hương	TV	xã Cộng Hòa	H. Vụ Bản			20° 21' 47"	106° 04' 03"	20° 23' 24"	106° 07' 47"	F-48-93-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn An Cự	DC	xã Đại An	H. Vụ Bản	20° 23' 44"	106° 06' 42"					F-48-93-A-a
Thôn Ngói	DC	xã Đại An	H. Vụ Bản	20° 23' 05"	106° 06' 48"					F-48-93-A-a
xóm Đông An Duyên	DC	xã Đại An	H. Vụ Bản	20° 24' 30"	106° 07' 45"					F-48-93-A-b
xóm Đông Đại Đê	DC	xã Đại An	H. Vụ Bản	20° 23' 33"	106° 07' 29"					F-48-93-A-a
xóm Giữa An Duyên	DC	xã Đại An	H. Vụ Bản	20° 24' 24"	106° 07' 27"					F-48-93-A-a
xóm Hậu An Hưng	DC	xã Đại An	H. Vụ Bản	20° 23' 44"	106° 06' 03"					F-48-93-A-a
xóm Miễu An Hưng	DC	xã Đại An	H. Vụ Bản	20° 23' 24"	106° 06' 17"					F-48-93-A-a
xóm Tây Đại Đê	DC	xã Đại An	H. Vụ Bản	20° 23' 27"	106° 07' 21"					F-48-93-A-a
xóm Thượng An Duyên	DC	xã Đại An	H. Vụ Bản	20° 24' 22"	106° 07' 12"					F-48-93-A-a
xóm Thượng Đại Đê	DC	xã Đại An	H. Vụ Bản	20° 23' 48"	106° 07' 13"					F-48-93-A-a
xóm Tiền An Hưng	DC	xã Đại An	H. Vụ Bản	20° 23' 26"	106° 06' 04"					F-48-93-A-a
xóm Trung Đại Đê	DC	xã Đại An	H. Vụ Bản	20° 23' 40"	106° 07' 20"					F-48-93-A-a
cầu An Duyên	KX	xã Đại An	H. Vụ Bản	20° 24' 12"	106° 07' 46"					F-48-93-A-b
cầu Bất Di	KX	xã Đại An	H. Vụ Bản	20° 23' 09"	106° 06' 01"					F-48-93-A-a
Quốc lộ 38B	KX	xã Đại An	H. Vụ Bản			20° 28' 53"	106° 10' 42"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-a, F-48-93-A-b
kênh T5	TV	xã Đại An	H. Vụ Bản			20° 27' 32"	106° 06' 43"	20° 23' 10"	106° 05' 59"	F-48-93-A-a
sông Nguyễn Văn Tiếp	TV	xã Đại An	H. Vụ Bản			20° 24' 45"	106° 07' 56"	20° 22' 47"	106° 09' 08"	F-48-93-A-b
sông Tiên Hương	TV	xã Đại An	H. Vụ Bản			20° 21' 47"	106° 04' 03"	20° 23' 24"	106° 07' 47"	F-48-93-A-a, F-48-93-A-b
sông Vạn Than	TV	xã Đại An	H. Vụ Bản			20° 24' 08"	106° 07' 01"	20° 23' 58"	106° 06' 07"	F-48-93-A-a
thôn Điện Biên	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 19' 07"	106° 08' 06"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Đình Hương	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 20' 41"	106° 08' 56"					F-48-93-A-d
thôn Đoàn Kết	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 20' 29"	106° 08' 42"					F-48-93-A-d
thôn Đồng Hòa	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 20' 04"	106° 09' 53"					F-48-93-A-d
thôn Đồng Lân	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 18' 59"	106° 08' 46"					F-48-93-A-d
thôn Đông Linh	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 20' 24"	106° 08' 01"					F-48-93-A-d
thôn Đống Xuyên	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 19' 43"	106° 07' 26"					F-48-93-A-c
thôn Hồng Tiến	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 20' 42"	106° 08' 17"					F-48-93-A-d
thôn Lạc Thiện	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 19' 42"	106° 07' 55"					F-48-93-A-d
thôn Làng Mới	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 18' 43"	106° 08' 20"					F-48-93-A-d
thôn Phong Vinh	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 19' 23"	106° 08' 59"					F-48-93-A-d
thôn Thiệu An	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 20' 05"	106° 08' 14"					F-48-93-A-d
thôn Thống Nhất	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 19' 07"	106° 08' 51"					F-48-93-A-d
thôn Thượng Linh	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 20' 30"	106° 07' 49"					F-48-93-A-d
xóm Thái Hưng	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 20' 06"	106° 09' 18"					F-48-93-A-d
xóm Thanh Ý	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 20' 05"	106° 09' 36"					F-48-93-A-d
Xóm Tiên	DC	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 19' 46"	106° 09' 43"					F-48-93-A-d
Bến khách ngang sông Đế	KX	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 19' 17"	106° 09' 09"					F-48-93-A-d
bến khách ngang sông Kinh Lũng	KX	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản	20° 20' 14"	106° 09' 59"					F-48-93-A-d
Sông Chanh	TV	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản			20° 23' 07"	106° 07' 19"	20° 16' 15"	106° 07' 38"	F-48-93-A-c
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Lác	TV	xã Đại Thắng	H. Vụ Bản			20° 20' 28"	106° 07' 16"	20° 18' 33"	106° 08' 31"	F-48-93-A-c, F-48-93-A-d
Thôn Đào	DC	xã Hiển Khánh	H. Vụ Bản	20° 25' 46"	106° 03' 50"					F-48-93-A-a
thôn Hạnh Lâm	DC	xã Hiển Khánh	H. Vụ Bản	20° 24' 29"	106° 03' 46"					F-48-93-A-a
thôn Hậu Nha	DC	xã Hiển Khánh	H. Vụ Bản	20° 26' 26"	106° 04' 29"					F-48-93-A-a
thôn Lại Xá	DC	xã Hiển Khánh	H. Vụ Bản	20° 25' 35"	106° 04' 08"					F-48-93-A-a
thôn Liên Xương	DC	xã Hiển Khánh	H. Vụ Bản	20° 24' 58"	106° 03' 30"					F-48-93-A-a
thôn Môn Nha	DC	xã Hiển Khánh	H. Vụ Bản	20° 26' 13"	106° 04' 25"					F-48-93-A-a
thôn Ngõ Quan	DC	xã Hiển Khánh	H. Vụ Bản	20° 26' 34"	106° 04' 32"					F-48-93-A-a
thôn Phú Đa	DC	xã Hiển Khánh	H. Vụ Bản	20° 26' 40"	106° 04' 35"					F-48-93-A-a
thôn Phú Nội	DC	xã Hiển Khánh	H. Vụ Bản	20° 24' 46"	106° 03' 05"					F-48-93-A-a
thôn Thượng Đồng	DC	xã Hiển Khánh	H. Vụ Bản	20° 26' 12"	106° 04' 01"					F-48-93-A-a
Thôn Triệu	DC	xã Hiển Khánh	H. Vụ Bản	20° 25' 08"	106° 04' 11"					F-48-93-A-a
Cầu Mái	KX	xã Hiển Khánh	H. Vụ Bản	20° 26' 44"	106° 04' 52"					F-48-93-A-a
Đường tỉnh 486B	KX	xã Hiển Khánh	H. Vụ Bản			20° 27' 24"	106° 03' 38"	20° 22' 22"	106° 04' 10"	F-48-93-A-a
Quốc lộ 21	KX	xã Hiển Khánh	H. Vụ Bản			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-a
thôn An Thứ	DC	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 24' 16"	106° 05' 08"					F-48-93-A-a
thôn Đồng Lạc	DC	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 24' 12"	106° 06' 03"					F-48-93-A-a
thôn Khả Chính	DC	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 24' 23"	106° 05' 57"					F-48-93-A-a
thôn Lập Thành	DC	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 24' 23"	106° 05' 41"					F-48-93-A-a
thôn Lập Vũ	DC	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 25' 13"	106° 05' 21"					F-48-93-A-a
thôn Lương Mỹ	DC	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 24' 26"	106° 06' 23"					F-48-93-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Nội Chế	DC	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 24' 53"	106° 05' 32"					F-48-93-A-a
thôn Thám Hòa	DC	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 25' 01"	106° 04' 37"					F-48-93-A-a
thôn Thị Thôn	DC	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 24' 30"	106° 05' 00"					F-48-93-A-a
thôn Tiên Chưởng	DC	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 25' 40"	106° 04' 57"					F-48-93-A-a
Thôn Vàng	DC	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 24' 46"	106° 05' 26"					F-48-93-A-a
Xóm 12	DC	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 24' 40"	106° 04' 41"					F-48-93-A-a
Xóm 13	DC	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 24' 37"	106° 04' 36"					F-48-93-A-a
Xóm 14	DC	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 24' 35"	106° 04' 31"					F-48-93-A-a
đền Vụ Nữ (đền Mai Hồng)	KX	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản	20° 24' 32"	106° 04' 19"					F-48-93-A-a
kênh T5	TV	xã Hợp Hưng	H. Vụ Bản			20° 27' 32"	106° 06' 43"	20° 23' 10"	106° 05' 59"	F-48-93-A-a
xóm 1 Hậu	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 40"	106° 04' 40"					F-48-93-A-c
xóm 1 Tiến	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 42"	106° 04' 43"					F-48-93-A-c
Xóm 2	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 50"	106° 04' 22"					F-48-93-A-c
xóm 2 Vân Hùng	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 51"	106° 04' 57"					F-48-93-A-c
xóm 3 Đông	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 35"	106° 04' 36"					F-48-93-A-c
xóm 3 Tây	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 34"	106° 04' 26"					F-48-93-A-c
xóm 3 Vân Hùng	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 22' 00"	106° 04' 53"					F-48-93-A-c
Xóm 4	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 57"	106° 04' 11"					F-48-93-A-c
Xóm Cầu	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 00"	106° 04' 34"					F-48-93-A-c
xóm Già Đông	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 10"	106° 05' 42"					F-48-93-A-c
xóm Già Tây	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 13"	106° 05' 32"					F-48-93-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm Mới	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 03"	106° 05' 18"					F-48-93-A-c
Xóm Pheo	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 20' 42"	106° 04' 48"					F-48-93-A-c
xóm Tân Phương	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 24"	106° 05' 43"					F-48-93-A-c
Xóm Tiền	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 20' 54"	106° 04' 40"					F-48-93-A-c
Xóm Uông	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 16"	106° 04' 29"					F-48-93-A-c
xóm Vân Tiến	DC	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 47"	106° 05' 06"					F-48-93-A-c
Cầu Đất	KX	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 55"	106° 04' 18"					F-48-93-A-c
Chợ Sại	KX	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 42"	106° 04' 42"					F-48-93-A-c
Công ty cổ phần cơ khí đúc Phương Linh	KX	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 08"	106° 04' 29"					F-48-93-A-c
lăng Liễu Hạnh	KX	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 21"	106° 04' 30"					F-48-93-A-c
Phủ Giầy	KX	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 43"	106° 04' 35"					F-48-93-A-c
phủ Tiên Hương	KX	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 42"	106° 04' 33"					F-48-93-A-c
phủ Vân Cát	KX	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 22' 09"	106° 04' 55"					F-48-93-A-c
Quốc lộ 37B	KX	xã Kim Thái	H. Vụ Bản			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-A-c
Quốc lộ 38B	KX	xã Kim Thái	H. Vụ Bản			20° 28' 53"	106° 10' 42"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-c
Núi Cầu	SV	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 12"	106° 04' 09"					F-48-93-A-c
Núi Ngăm	SV	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 22' 06"	106° 03' 55"					F-48-93-A-c
núi Tiên Hương	SV	xã Kim Thái	H. Vụ Bản	20° 21' 38"	106° 04' 09"					F-48-93-A-c
Sông Sắt	TV	xã Kim Thái	H. Vụ Bản			20° 26' 50"	106° 01' 41"	20° 15' 13"	106° 02' 45"	F-48-93-A-c
sông Tiên Hương	TV	xã Kim Thái	H. Vụ Bản			20° 21' 47"	106° 04' 03"	20° 23' 24"	106° 07' 47"	F-48-93-A-c
xóm 1 - Đắc Lực	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 22' 39"	106° 06' 43"					F-48-93-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 1 Tổ Cầu	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 21' 16"	106° 07' 12"					F-48-93-A-c
xóm 2 - Đắc Lực	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 22' 36"	106° 06' 55"					F-48-93-A-a
xóm 2 Tổ Cầu	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 21' 09"	106° 07' 02"					F-48-93-A-c
xóm 3 - Đắc Lực	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 22' 40"	106° 07' 11"					F-48-93-A-a
xóm 3 Định Trạch	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 21' 33"	106° 06' 51"					F-48-93-A-c
xóm 4 - Đắc Lực	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 22' 31"	106° 07' 16"					F-48-93-A-a
xóm 4 Định Trạch	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 21' 42"	106° 06' 43"					F-48-93-A-c
xóm 5 Định Trạch	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 22' 01"	106° 06' 49"					F-48-93-A-c
xóm 5 Trung Phu	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 22' 53"	106° 07' 45"					F-48-93-A-b
xóm 6 Cao Phương	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 21' 29"	106° 06' 27"					F-48-93-A-c
xóm 6 Trung Phu	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 22' 46"	106° 07' 41"					F-48-93-A-b
xóm 7 Cao Phương	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 21' 35"	106° 06' 12"					F-48-93-A-c
xóm 7 Trình Xuyên	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 22' 33"	106° 07' 42"					F-48-93-A-b
xóm 8 Cao Phương	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 21' 23"	106° 06' 23"					F-48-93-A-c
xóm 8 Trình Xuyên	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 22' 28"	106° 07' 48"					F-48-93-A-d
xóm 9 Trình Xuyên	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 22' 16"	106° 07' 39"					F-48-93-A-d
xóm 10 Rộc Thôn	DC	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 22' 06"	106° 07' 02"					F-48-93-A-c
Cầu Chuối	KX	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 21' 25"	106° 07' 10"					F-48-93-A-c
đền thờ Lương Thế Vinh	KX	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 21' 38"	106° 06' 16"					F-48-93-A-c
ga Trình Xuyên	KX	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 22' 22"	106° 07' 52"					F-48-93-A-d
Quốc lộ 10	KX	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b, F-48-93-A-c, F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Trường Cao đẳng Công nghiệp Nam Định	KX	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản	20° 23' 12"	106° 08' 05"					F-48-93-A-b
Sông Chanh	TV	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản			20° 23' 07"	106° 07' 19"	20° 16' 15"	106° 07' 38"	F-48-93-A-a, F-48-93-A-b, F-48-93-A-c
Sông Ngói	TV	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản			20° 23' 10"	106° 05' 59"	20° 23' 24"	106° 07' 47"	F-48-93-A-a, F-48-93-A-b
sông Nguyễn Văn Tiếp	TV	xã Liên Bảo	H. Vụ Bản			20° 24' 45"	106° 07' 56"	20° 22' 47"	106° 09' 08"	F-48-93-A-b
đội 1 Xóm Thượng	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 20' 19"	106° 05' 47"					F-48-93-A-c
đội 2 Xóm Thượng	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 20' 27"	106° 05' 59"					F-48-93-A-c
thôn An Lễ	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 20' 54"	106° 06' 56"					F-48-93-A-c
thôn Ngọ Trang	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 20' 01"	106° 06' 34"					F-48-93-A-c
thôn Tam Giáp	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 20' 37"	106° 06' 32"					F-48-93-A-c
thôn Trung Nghĩa	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 20' 45"	106° 06' 51"					F-48-93-A-c
thôn Tứ Giáp	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 20' 26"	106° 06' 47"					F-48-93-A-c
thôn Vân Bảng	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 19' 30"	106° 06' 07"					F-48-93-A-c
xóm Đội 2 Hổ Sơn	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 19' 49"	106° 06' 26"					F-48-93-A-c
xóm Đội 3 Hổ Sơn	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 19' 43"	106° 06' 20"					F-48-93-A-c
xóm Đội 4 Hổ Sơn	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 19' 35"	106° 06' 00"					F-48-93-A-c
xóm Đội 6 Nhì Giáp	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 20' 51"	106° 06' 36"					F-48-93-A-c
xóm Đội 7 Nhì Giáp	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 20' 46"	106° 06' 29"					F-48-93-A-c
Xóm Tâm	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 20' 32"	106° 06' 09"					F-48-93-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm Tiền	DC	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 20' 28"	106° 06' 14"					F-48-93-A-c
Quốc lộ 10	KX	xã Liên Minh	H. Vụ Bản			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-c
Núi Hổ	SV	xã Liên Minh	H. Vụ Bản	20° 19' 36"	106° 05' 54"					F-48-93-A-c
Sông Chanh	TV	xã Liên Minh	H. Vụ Bản			20° 23' 07"	106° 07' 19"	20° 16' 15"	106° 07' 38"	F-48-93-A-c
Sông Lác	TV	xã Liên Minh	H. Vụ Bản			20° 20' 28"	106° 07' 16"	20° 18' 33"	106° 08' 31"	F-48-93-A-c
Thôn Chiều	DC	xã Minh Tân	H. Vụ Bản	20° 22' 23"	106° 02' 31"					F-48-93-A-c
Thôn Hạ	DC	xã Minh Tân	H. Vụ Bản	20° 22' 03"	106° 02' 57"					F-48-93-A-c
Thôn Hoàng	DC	xã Minh Tân	H. Vụ Bản	20° 22' 51"	106° 03' 03"					F-48-93-A-a
Thôn Lúa	DC	xã Minh Tân	H. Vụ Bản	20° 23' 18"	106° 02' 55"					F-48-93-A-a
thôn Tân Lập	DC	xã Minh Tân	H. Vụ Bản	20° 23' 11"	106° 02' 30"					F-48-93-A-a
Thôn Thượng	DC	xã Minh Tân	H. Vụ Bản	20° 22' 06"	106° 03' 34"					F-48-93-A-c
Thôn Vân	DC	xã Minh Tân	H. Vụ Bản	20° 23' 12"	106° 03' 10"					F-48-93-A-a
Cầu Ngăm	KX	xã Minh Tân	H. Vụ Bản	20° 21' 54"	106° 03' 11"					F-48-93-A-c
Đường tỉnh 486B	KX	xã Minh Tân	H. Vụ Bản			20° 27' 24"	106° 03' 38"	20° 22' 22"	106° 04' 10"	F-48-93-A-c
Quốc lộ 37B	KX	xã Minh Tân	H. Vụ Bản			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-A-c
Quốc lộ 38B	KX	xã Minh Tân	H. Vụ Bản			20° 28' 53"	106° 10' 42"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-c
Núi Ngăm	SV	xã Minh Tân	H. Vụ Bản	20° 22' 06"	106° 03' 55"					F-48-93-A-c
Sông Sắt	TV	xã Minh Tân	H. Vụ Bản			20° 26' 50"	106° 01' 41"	20° 15' 13"	106° 02' 45"	F-48-93-A-a, F-48-93-A-c
Thôn Bịch	DC	xã Minh Thuận	H. Vụ Bản	20° 26' 19"	106° 02' 44"					F-48-93-A-a
thôn Đống Đất	DC	xã Minh Thuận	H. Vụ Bản	20° 25' 59"	106° 01' 46"					F-48-93-A-a
thôn Duyên Hạ	DC	xã Minh Thuận	H. Vụ Bản	20° 25' 31"	106° 01' 37"					F-48-93-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hướng Nghĩa	DC	xã Minh Thuận	H. Vụ Bản	20° 27' 24"	106° 02' 31"					F-48-93-A-a
thôn Kênh Đào	DC	xã Minh Thuận	H. Vụ Bản	20° 26' 22"	106° 01' 49"					F-48-93-A-a
Thôn Phu	DC	xã Minh Thuận	H. Vụ Bản	20° 26' 30"	106° 03' 04"					F-48-93-A-a
thôn Phú Cốc	DC	xã Minh Thuận	H. Vụ Bản	20° 26' 57"	106° 02' 40"					F-48-93-A-a
thôn Phú Lão	DC	xã Minh Thuận	H. Vụ Bản	20° 26' 36"	106° 02' 14"					F-48-93-A-a
thôn Phú Vinh	DC	xã Minh Thuận	H. Vụ Bản	20° 26' 43"	106° 02' 44"					F-48-93-A-a
thôn Trại Kho	DC	xã Minh Thuận	H. Vụ Bản	20° 26' 06"	106° 02' 15"					F-48-93-A-a
sông Cầu Họ (kênh S17)	TV	xã Minh Thuận	H. Vụ Bản			20° 28' 24"	106° 02' 44"	20° 26' 50"	106° 01' 42"	F-48-93-A-a
Sông Sắt	TV	xã Minh Thuận	H. Vụ Bản			20° 26' 50"	106° 01' 41"	20° 15' 13"	106° 02' 45"	F-48-93-A-a
xóm Bất Di 1	DC	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 23' 09"	106° 05' 53"					F-48-93-A-a
xóm Bất Di 2	DC	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 23' 06"	106° 05' 39"					F-48-93-A-a
xóm Bất Di 3	DC	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 23' 20"	106° 05' 43"					F-48-93-A-a
Xóm Đồng	DC	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 22' 16"	106° 05' 49"					F-48-93-A-c
xóm Hội 2	DC	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 22' 43"	106° 05' 40"					F-48-93-A-a
xóm Hội Một	DC	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 22' 42"	106° 05' 46"					F-48-93-A-a
xóm Làng 1	DC	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 22' 39"	106° 05' 45"					F-48-93-A-a
xóm Làng 2	DC	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 22' 35"	106° 05' 52"					F-48-93-A-a
Xóm Phủ	DC	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 22' 56"	106° 06' 04"					F-48-93-A-a
xóm Quang Minh	DC	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 22' 42"	106° 05' 59"					F-48-93-A-a
xóm Quang Tiến 1	DC	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 22' 48"	106° 06' 09"					F-48-93-A-a
xóm Quang Tiến 2	DC	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 22' 38"	106° 06' 10"					F-48-93-A-a
Xóm Tiên	DC	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 22' 39"	106° 05' 53"					F-48-93-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm Xôi	DC	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 22' 49"	106° 06' 29"					F-48-93-A-a
cầu Bất Di	KX	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 23' 09"	106° 06' 01"					F-48-93-A-a
đền Giáp Nhất	KX	xã Quang Trung	H. Vụ Bản	20° 22' 31"	106° 05' 40"					F-48-93-A-a
Quốc lộ 38B	KX	xã Quang Trung	H. Vụ Bản			20° 28' 53"	106° 10' 42"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-a
kênh T5	TV	xã Quang Trung	H. Vụ Bản			20° 27' 32"	106° 06' 43"	20° 23' 10"	106° 05' 59"	F-48-93-A-a
sông Tiên Hương	TV	xã Quang Trung	H. Vụ Bản			20° 21' 47"	106° 04' 03"	20° 23' 24"	106° 07' 47"	F-48-93-A-a
thôn An Lạc	DC	xã Tam Thanh	H. Vụ Bản	20° 19' 30"	106° 05' 21"					F-48-93-A-c
thôn Dư Duệ	DC	xã Tam Thanh	H. Vụ Bản	20° 19' 21"	106° 04' 59"					F-48-93-A-c
thôn Lê Xá	DC	xã Tam Thanh	H. Vụ Bản	20° 20' 25"	106° 03' 55"					F-48-93-A-c
thôn Phú Thọ	DC	xã Tam Thanh	H. Vụ Bản	20° 19' 54"	106° 03' 39"					F-48-93-A-c
thôn Phú Thứ	DC	xã Tam Thanh	H. Vụ Bản	20° 19' 19"	106° 04' 32"					F-48-93-A-c
thôn Quảng Cư	DC	xã Tam Thanh	H. Vụ Bản	20° 19' 36"	106° 03' 35"					F-48-93-A-c
Thôn Tiền	DC	xã Tam Thanh	H. Vụ Bản	20° 19' 18"	106° 05' 25"					F-48-93-A-c
xóm Trung Cấp	DC	xã Tam Thanh	H. Vụ Bản	20° 18' 54"	106° 05' 06"					F-48-93-A-c
Cầu Tào	KX	xã Tam Thanh	H. Vụ Bản	20° 19' 15"	106° 03' 13"					F-48-93-A-c
Nhà máy nước Vụ Bản	KX	xã Tam Thanh	H. Vụ Bản	20° 19' 13"	106° 03' 18"					F-48-93-A-c
Quốc lộ 10	KX	xã Tam Thanh	H. Vụ Bản			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-c
Quốc lộ 37B	KX	xã Tam Thanh	H. Vụ Bản			20° 17' 28"	106° 27' 00"	20° 24' 01"	106° 00' 44"	F-48-93-A-c
núi Lê Xá	SV	xã Tam Thanh	H. Vụ Bản	20° 20' 41"	106° 04' 10"					F-48-93-A-c
Sông Sắt	TV	xã Tam Thanh	H. Vụ Bản			20° 26' 50"	106° 01' 41"	20° 15' 13"	106° 02' 45"	F-48-93-A-c
thôn Bàn Kết	DC	xã Tân Khánh	H. Vụ Bản	20° 24' 54"	106° 02' 18"					F-48-93-A-a
thôn Đống Lương	DC	xã Tân Khánh	H. Vụ Bản	20° 24' 11"	106° 02' 14"					F-48-93-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Hạ Xá	DC	xã Tân Khánh	H. Vụ Bản	20° 25' 16"	106° 02' 45"					F-48-93-A-a
thôn Nhị Thôn	DC	xã Tân Khánh	H. Vụ Bản	20° 24' 57"	106° 01' 59"					F-48-93-A-a
thôn Phong Cốc	DC	xã Tân Khánh	H. Vụ Bản	20° 23' 58"	106° 03' 05"					F-48-93-A-a
thôn Phú Thôn	DC	xã Tân Khánh	H. Vụ Bản	20° 25' 09"	106° 02' 27"					F-48-93-A-a
thôn Thọ Trường	DC	xã Tân Khánh	H. Vụ Bản	20° 25' 00"	106° 01' 21"					F-48-93-A-a
thôn Trại Giầu	DC	xã Tân Khánh	H. Vụ Bản	20° 24' 44"	106° 01' 12"					F-48-93-A-a
thôn Việt An	DC	xã Tân Khánh	H. Vụ Bản	20° 24' 31"	106° 01' 31"					F-48-93-A-a
Sông Sắt	TV	xã Tân Khánh	H. Vụ Bản			20° 26' 50"	106° 01' 41"	20° 15' 13"	106° 02' 45"	F-48-93-A-a
Xóm 1	DC	xã Tân Thành	H. Vụ Bản	20° 22' 54"	106° 09' 03"					F-48-93-A-b
Xóm 2	DC	xã Tân Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 01"	106° 09' 01"					F-48-93-A-b
Xóm 3	DC	xã Tân Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 16"	106° 08' 57"					F-48-93-A-b
Xóm 4	DC	xã Tân Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 19"	106° 09' 09"					F-48-93-A-b
Xóm 5	DC	xã Tân Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 13"	106° 09' 15"					F-48-93-A-b
Xóm 6	DC	xã Tân Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 27"	106° 09' 24"					F-48-93-A-b
Xóm 7	DC	xã Tân Thành	H. Vụ Bản	20° 24' 16"	106° 09' 45"					F-48-93-A-b
Xóm 8	DC	xã Tân Thành	H. Vụ Bản	20° 24' 22"	106° 09' 54"					F-48-93-A-b
Xóm 9	DC	xã Tân Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 32"	106° 08' 35"					F-48-93-A-b
Quốc lộ 10	KX	xã Tân Thành	H. Vụ Bản			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
Quốc lộ 21	KX	xã Tân Thành	H. Vụ Bản			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-A-b
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	xã Tân Thành	H. Vụ Bản			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b
sông Nguyễn Văn Tiếp	TV	xã Tân Thành	H. Vụ Bản			20° 24' 45"	106° 07' 56"	20° 22' 47"	106° 09' 08"	F-48-93-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Dương Lai Ngoài	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 22' 38"	106° 08' 06"					F-48-93-A-b
thôn Dương Lai Trong	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 22' 22"	106° 08' 02"					F-48-93-A-d
Xóm A	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 22' 35"	106° 08' 24"					F-48-93-A-b
Xóm B	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 22' 25"	106° 08' 22"					F-48-93-A-d
Xóm Bến	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 41"	106° 08' 11"					F-48-93-A-d
Xóm C	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 22' 10"	106° 08' 20"					F-48-93-A-d
xóm C và Áp Phú	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 22' 06"	106° 08' 28"					F-48-93-A-d
Xóm Chải	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 35"	106° 08' 13"					F-48-93-A-d
Xóm Chợ	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 48"	106° 08' 07"					F-48-93-A-d
Xóm Cùng	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 31"	106° 08' 01"					F-48-93-A-d
Xóm Cuối	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 40"	106° 07' 56"					F-48-93-A-d
Xóm Đông	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 46"	106° 08' 12"					F-48-93-A-d
xóm Đồng Giang	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 04"	106° 09' 09"					F-48-93-A-d
xóm Đồng Lợi	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 21"	106° 09' 34"					F-48-93-A-d
xóm Đồng Nguyên	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 15"	106° 09' 18"					F-48-93-A-d
xóm Đồng Tiến	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 02"	106° 09' 23"					F-48-93-A-d
Xóm Hát	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 44"	106° 08' 03"					F-48-93-A-d
xóm Minh Khai	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 17"	106° 07' 42"					F-48-93-A-d
xóm Phú Cốc	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 22' 06"	106° 08' 52"					F-48-93-A-d
xóm Sa Trung	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 39"	106° 08' 57"					F-48-93-A-d
xóm Trại Gạo	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 54"	106° 08' 31"					F-48-93-A-d
xóm Trại Nội	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 22' 25"	106° 08' 52"					F-48-93-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trần Phú	DC	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 05"	106° 07' 33"					F-48-93-A-d
Cầu Dành	KX	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 23' 00"	106° 08' 10"					F-48-93-A-b
Chợ Gạo	KX	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 53"	106° 08' 11"					F-48-93-A-d
Đền Đông	KX	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản	20° 21' 51"	106° 08' 04"					F-48-93-A-d
Quốc lộ 10	KX	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản			20° 26' 41"	106° 13' 01"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-b
Sông Chanh	TV	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản			20° 23' 07"	106° 07' 19"	20° 16' 15"	106° 07' 38"	F-48-93-A-c, F-48-93-A-d
Sông Đào (sông Nam Định)	TV	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản			20° 25' 53"	106° 12' 16"	20° 15' 08"	106° 05' 47"	F-48-93-A-b, F-48-93-A-d
sông Nguyễn Văn Tiếp	TV	xã Thành Lợi	H. Vụ Bản			20° 24' 45"	106° 07' 56"	20° 22' 47"	106° 09' 08"	F-48-93-A-b
Xóm Bái	DC	xã Trung Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 47"	106° 04' 52"					F-48-93-A-a
Xóm Chinh	DC	xã Trung Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 26"	106° 05' 14"					F-48-93-A-a
Xóm Chùa	DC	xã Trung Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 15"	106° 04' 56"					F-48-93-A-a
Xóm Đông	DC	xã Trung Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 18"	106° 05' 07"					F-48-93-A-a
Xóm Hòe	DC	xã Trung Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 14"	106° 05' 15"					F-48-93-A-a
Xóm Nhì	DC	xã Trung Thành	H. Vụ Bản	20° 22' 54"	106° 05' 16"					F-48-93-A-a
Xóm Nội	DC	xã Trung Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 18"	106° 04' 59"					F-48-93-A-a
Xóm Phạm	DC	xã Trung Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 43"	106° 05' 09"					F-48-93-A-a
Xóm Phố	DC	xã Trung Thành	H. Vụ Bản	20° 22' 55"	106° 04' 52"					F-48-93-A-a
Xóm Quế	DC	xã Trung Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 16"	106° 04' 53"					F-48-93-A-a
xóm Tư 1	DC	xã Trung Thành	H. Vụ Bản	20° 22' 40"	106° 05' 25"					F-48-93-A-a
xóm Tư 2	DC	xã Trung Thành	H. Vụ Bản	20° 22' 39"	106° 05' 15"					F-48-93-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm Xuân	DC	xã Trung Thành	H. Vụ Bản	20° 23' 07"	106° 04' 53"					F-48-93-A-a
Chợ Dần	KX	xã Trung Thành	H. Vụ Bản	20° 22' 59"	106° 05' 27"					F-48-93-A-a
Quốc lộ 38B	KX	xã Trung Thành	H. Vụ Bản			20° 28' 53"	106° 10' 42"	20° 15' 59"	105° 58' 44"	F-48-93-A-a
sông Tiên Hương	TV	xã Trung Thành	H. Vụ Bản			20° 21' 47"	106° 04' 03"	20° 23' 24"	106° 07' 47"	F-48-93-A-a
thôn Cựu Hào	DC	xã Vĩnh Hào	H. Vụ Bản	20° 18' 33"	106° 06' 34"					F-48-93-A-c
thôn Đại Lại	DC	xã Vĩnh Hào	H. Vụ Bản	20° 18' 51"	106° 07' 32"					F-48-93-A-d
thôn Hồ Sen	DC	xã Vĩnh Hào	H. Vụ Bản	20° 18' 50"	106° 06' 31"					F-48-93-A-c
thôn Tiên Hào	DC	xã Vĩnh Hào	H. Vụ Bản	20° 18' 42"	106° 07' 15"					F-48-93-A-c
thôn Vĩnh Lại	DC	xã Vĩnh Hào	H. Vụ Bản	20° 19' 04"	106° 07' 03"					F-48-93-A-c
chùa Vĩnh Lại (chùa Thuận An)	KX	xã Vĩnh Hào	H. Vụ Bản	20° 19' 01"	106° 07' 00"					F-48-93-A-c
đền Vĩnh Lại	KX	xã Vĩnh Hào	H. Vụ Bản	20° 18' 59"	106° 06' 57"					F-48-93-A-c
Sông Chanh	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vụ Bản			20° 23' 07"	106° 07' 19"	20° 16' 15"	106° 07' 38"	F-48-93-A-c
Sông Lác	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vụ Bản			20° 20' 28"	106° 07' 16"	20° 18' 33"	106° 08' 31"	F-48-93-A-d
tổ dân phố Số 1	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 16' 53"	106° 21' 02"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 2	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 17' 18"	106° 21' 01"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 3	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 17' 35"	106° 20' 54"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 4	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 17' 29"	106° 20' 54"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 5	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 17' 30"	106° 20' 44"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 6	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 17' 37"	106° 20' 38"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 7	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 17' 17"	106° 20' 22"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 8	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 17' 17"	106° 20' 14"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Số 9	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 17' 01"	106° 20' 34"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 10	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 17' 00"	106° 20' 19"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 11	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 17' 00"	106° 20' 12"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 12	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 16' 56"	106° 19' 44"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 13	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 16' 59"	106° 19' 42"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 14	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 16' 30"	106° 19' 40"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 15	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 16' 35"	106° 19' 37"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 16	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 16' 21"	106° 19' 34"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 17	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 16' 01"	106° 19' 15"					F-48-93-B-c
tổ dân phố Số 18	DC	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 17' 32"	106° 20' 04"					F-48-93-B-c
cầu Chéo Xuân Bảng	KX	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 17' 25"	106° 20' 50"					F-48-93-B-c
cầu Lạc Quần	KX	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 15' 59"	106° 19' 04"					F-48-93-B-c
đền Xuân Bảng	KX	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường	20° 17' 28"	106° 20' 42"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489	KX	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489C	KX	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường			20° 15' 38"	106° 19' 29"	20° 21' 22"	106° 20' 58"	F-48-93-B-c
Quốc lộ 21	KX	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-B-c
sông Ninh Cơ	TV	TT. Xuân Trường	H. Xuân Trường			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-B-c
Xóm 1	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 41"	106° 23' 46"					F-48-93-B-d
Xóm 2	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 26"	106° 23' 31"					F-48-93-B-d
Xóm 3	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 35"	106° 23' 26"					F-48-93-B-d
Xóm 4	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 41"	106° 23' 24"					F-48-93-B-d
Xóm 5	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 22"	106° 23' 26"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 6	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 21"	106° 23' 17"					F-48-93-B-d
Xóm 7	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 30"	106° 23' 14"					F-48-93-B-d
Xóm 8	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 12"	106° 23' 12"					F-48-93-B-d
Xóm 9	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 18"	106° 23' 10"					F-48-93-B-d
Xóm 10	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 27"	106° 23' 01"					F-48-93-B-d
Xóm 11	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 06"	106° 23' 15"					F-48-93-B-d
Xóm 12	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 40"	106° 22' 53"					F-48-93-B-d
Xóm 13	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 16"	106° 22' 37"					F-48-93-B-d
Xóm 14	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 25"	106° 22' 34"					F-48-93-B-d
Xóm 15	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 47"	106° 22' 45"					F-48-93-B-d
Xóm 16	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 18' 01"	106° 22' 37"					F-48-93-B-d
Xóm 17	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 18' 16"	106° 22' 38"					F-48-93-B-d
Xóm 18	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 18' 04"	106° 22' 42"					F-48-93-B-d
Xóm 19	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 52"	106° 22' 53"					F-48-93-B-d
Xóm 20	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 44"	106° 22' 57"					F-48-93-B-d
Xóm 21	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 17' 40"	106° 23' 12"					F-48-93-B-d
Xóm 22	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 18' 16"	106° 23' 00"					F-48-93-B-d
Xóm 23	DC	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường	20° 18' 12"	106° 23' 21"					F-48-93-B-d
Sông Sò	TV	xã Thọ Nghiệp	H. Xuân Trường			20° 18' 00"	106° 25' 43"	20° 10' 38"	106° 21' 18"	F-48-93-B-c, F-48-93-B-d
Xóm 1	DC	xã Xuân Bắc	H. Xuân Trường	20° 18' 19"	106° 20' 43"					F-48-93-B-c
Xóm 2	DC	xã Xuân Bắc	H. Xuân Trường	20° 18' 30"	106° 20' 57"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 3	DC	xã Xuân Bắc	H. Xuân Trường	20° 18' 42"	106° 21' 15"					F-48-93-B-c
Xóm 4	DC	xã Xuân Bắc	H. Xuân Trường	20° 18' 28"	106° 21' 11"					F-48-93-B-c
Xóm 5	DC	xã Xuân Bắc	H. Xuân Trường	20° 18' 42"	106° 21' 19"					F-48-93-B-c
Xóm 6	DC	xã Xuân Bắc	H. Xuân Trường	20° 18' 44"	106° 21' 33"					F-48-93-B-c
Xóm 7	DC	xã Xuân Bắc	H. Xuân Trường	20° 18' 31"	106° 21' 15"					F-48-93-B-c
Xóm 8	DC	xã Xuân Bắc	H. Xuân Trường	20° 18' 19"	106° 21' 17"					F-48-93-B-c
Xóm 9	DC	xã Xuân Bắc	H. Xuân Trường	20° 18' 18"	106° 21' 37"					F-48-93-B-c
Xóm 10	DC	xã Xuân Bắc	H. Xuân Trường	20° 18' 11"	106° 21' 00"					F-48-93-B-c
Xóm 11	DC	xã Xuân Bắc	H. Xuân Trường	20° 18' 18"	106° 21' 23"					F-48-93-B-c
Xóm 12	DC	xã Xuân Bắc	H. Xuân Trường	20° 18' 46"	106° 21' 46"					F-48-93-B-c
Xóm 1	DC	xã Xuân Châu	H. Xuân Trường	20° 21' 36"	106° 19' 51"					F-48-93-B-c
Xóm 2	DC	xã Xuân Châu	H. Xuân Trường	20° 21' 48"	106° 19' 47"					F-48-93-B-c
Xóm 3	DC	xã Xuân Châu	H. Xuân Trường	20° 21' 48"	106° 19' 57"					F-48-93-B-c
Xóm 4	DC	xã Xuân Châu	H. Xuân Trường	20° 22' 00"	106° 20' 13"					F-48-93-B-c
Xóm 5	DC	xã Xuân Châu	H. Xuân Trường	20° 21' 22"	106° 20' 08"					F-48-93-B-c
Xóm 6	DC	xã Xuân Châu	H. Xuân Trường	20° 21' 25"	106° 20' 24"					F-48-93-B-c
Xóm 7	DC	xã Xuân Châu	H. Xuân Trường	20° 21' 25"	106° 20' 37"					F-48-93-B-c
Xóm 8	DC	xã Xuân Châu	H. Xuân Trường	20° 21' 40"	106° 20' 43"					F-48-93-B-c
bến khách ngang sông Sa Cao	KX	xã Xuân Châu	H. Xuân Trường	20° 22' 17"	106° 20' 31"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489	KX	xã Xuân Châu	H. Xuân Trường			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489C	KX	xã Xuân Châu	H. Xuân Trường			20° 15' 38"	106° 19' 29"	20° 21' 22"	106° 20' 58"	F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hồng	TV	xã Xuân Châu	H. Xuân Trường			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-a, F-48-93-B-c
Xóm 1	DC	xã Xuân Đài	H. Xuân Trường	20° 20' 08"	106° 21' 52"					F-48-93-B-c
Xóm 2	DC	xã Xuân Đài	H. Xuân Trường	20° 19' 53"	106° 22' 04"					F-48-93-B-c
Xóm 3	DC	xã Xuân Đài	H. Xuân Trường	20° 19' 39"	106° 22' 42"					F-48-93-B-d
Xóm 4	DC	xã Xuân Đài	H. Xuân Trường	20° 19' 30"	106° 22' 45"					F-48-93-B-d
Xóm 5	DC	xã Xuân Đài	H. Xuân Trường	20° 19' 25"	106° 22' 40"					F-48-93-B-d
Xóm 6	DC	xã Xuân Đài	H. Xuân Trường	20° 19' 16"	106° 22' 53"					F-48-93-B-d
Xóm 7	DC	xã Xuân Đài	H. Xuân Trường	20° 19' 04"	106° 22' 54"					F-48-93-B-d
Xóm 8	DC	xã Xuân Đài	H. Xuân Trường	20° 19' 03"	106° 23' 21"					F-48-93-B-d
Xóm 9	DC	xã Xuân Đài	H. Xuân Trường	20° 18' 37"	106° 23' 17"					F-48-93-B-d
Cầu Láng	KX	xã Xuân Đài	H. Xuân Trường	20° 19' 46"	106° 22' 41"					F-48-93-B-d
Đường tỉnh 488	KX	xã Xuân Đài	H. Xuân Trường			20° 19' 45"	106° 19' 33"	20° 13' 02"	106° 27' 52"	F-48-93-B-c, F-48-93-B-d
Sông Láng	TV	xã Xuân Đài	H. Xuân Trường			20° 20' 33"	106° 21' 34"	20° 16' 42"	106° 26' 23"	F-48-93-B-c, F-48-93-B-d
Xóm 1	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 15' 16"	106° 20' 17"					F-48-93-B-c
Xóm 2	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 15' 01"	106° 20' 18"					F-48-93-B-c
Xóm 3	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 14' 33"	106° 20' 00"					F-48-93-D-a
Xóm 4	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 14' 23"	106° 20' 10"					F-48-93-D-a
Xóm 5	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 14' 19"	106° 20' 32"					F-48-93-D-a
Xóm 6	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 14' 38"	106° 20' 58"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 7	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 14' 40"	106° 20' 42"					F-48-93-D-a
Xóm 8	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 14' 49"	106° 20' 32"					F-48-93-D-a
Xóm 9	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 14' 52"	106° 20' 39"					F-48-93-D-a
Xóm 10	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 14' 59"	106° 20' 54"					F-48-93-D-a
Xóm 11	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 15' 07"	106° 21' 02"					F-48-93-B-c
Xóm 12	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 15' 08"	106° 21' 06"					F-48-93-B-c
Xóm 13	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 15' 16"	106° 21' 11"					F-48-93-B-c
Xóm 14	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 15' 26"	106° 21' 11"					F-48-93-B-c
Xóm 15	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 15' 30"	106° 21' 18"					F-48-93-B-c
Xóm 16	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 15' 38"	106° 21' 15"					F-48-93-B-c
Xóm 17	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 15' 31"	106° 20' 52"					F-48-93-B-c
Xóm 18	DC	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường	20° 15' 36"	106° 20' 53"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489B	KX	xã Xuân Hòa	H. Xuân Trường			20° 14' 40"	106° 19' 20"	20° 11' 31"	106° 22' 50"	F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 47"	106° 19' 21"					F-48-93-B-c
Xóm 2	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 35"	106° 19' 11"					F-48-93-B-c
Xóm 3	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 13"	106° 18' 57"					F-48-93-B-c
Xóm 4	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 15"	106° 19' 18"					F-48-93-B-c
Xóm 5	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 13"	106° 19' 18"					F-48-93-B-c
Xóm 6	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 12"	106° 19' 22"					F-48-93-B-c
Xóm 7	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 11"	106° 19' 23"					F-48-93-B-c
Xóm 8	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 09"	106° 19' 25"					F-48-93-B-c
Xóm 9	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 06"	106° 19' 24"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 10	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 04"	106° 19' 27"					F-48-93-B-c
Xóm 11	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 01"	106° 19' 28"					F-48-93-B-c
Xóm 12	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 59"	106° 19' 29"					F-48-93-B-c
Xóm 13	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 57"	106° 19' 29"					F-48-93-B-c
Xóm 14	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 55"	106° 19' 30"					F-48-93-B-c
Xóm 15	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 00"	106° 19' 16"					F-48-93-B-c
Xóm 16	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 49"	106° 19' 01"					F-48-93-B-c
Xóm 17	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 46"	106° 18' 54"					F-48-93-B-c
Xóm 18	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 46"	106° 19' 04"					F-48-93-B-c
Xóm 19	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 42"	106° 19' 09"					F-48-93-B-c
Xóm 20	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 36"	106° 19' 20"					F-48-93-B-c
Xóm 21	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 39"	106° 19' 24"					F-48-93-B-c
Xóm 22	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 50"	106° 19' 25"					F-48-93-B-c
Xóm 23	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 29"	106° 19' 57"					F-48-93-B-c
Xóm 24	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 26"	106° 20' 03"					F-48-93-B-c
Xóm 25	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 28"	106° 19' 49"					F-48-93-B-c
Xóm 26	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 23"	106° 19' 53"					F-48-93-B-c
Xóm 27	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 32"	106° 19' 34"					F-48-93-B-c
Xóm 28	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 21"	106° 19' 29"					F-48-93-B-c
Xóm 29	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 10"	106° 19' 29"					F-48-93-B-c
Xóm 30	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 05"	106° 19' 24"					F-48-93-B-c
Xóm 31	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 18' 53"	106° 19' 23"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 32	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 18' 21"	106° 19' 15"					F-48-93-B-c
Xóm 33	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 18' 12"	106° 19' 02"					F-48-93-B-c
Xóm 34	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 18' 05"	106° 18' 51"					F-48-93-B-c
Xóm 35	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 18' 21"	106° 18' 47"					F-48-93-B-c
Xóm 36	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 18' 13"	106° 18' 46"					F-48-93-B-c
Xóm 37	DC	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 18' 08"	106° 18' 55"					F-48-93-B-c
bến khách ngang sông Ba Bò	KX	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 14"	106° 18' 50"					F-48-93-B-c
bến khách ngang sông Cựa Gà	KX	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 33"	106° 18' 37"					F-48-93-B-c
bến khách ngang sông Hồng Tiến	KX	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 21' 34"	106° 19' 11"					F-48-93-B-c
Bến khách ngang sông Sồng	KX	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 18' 21"	106° 18' 40"					F-48-93-B-c
chùa Dũng Trí	KX	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 11"	106° 18' 59"					F-48-93-B-c
chùa Keo Hành Thiện	KX	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 37"	106° 19' 12"					F-48-93-B-c
chùa Ngọc Tiên	KX	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 19' 48"	106° 18' 58"					F-48-93-B-c
chùa Xuân Thiện	KX	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 18' 24"	106° 18' 45"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 488	KX	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường			20° 19' 45"	106° 19' 33"	20° 13' 02"	106° 27' 52"	F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489	KX	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-93-B-c
Nhà lưu niệm Đồng chí Trường Chinh	KX	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường	20° 20' 05"	106° 19' 23"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Hồng	TV	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-c
sông Ninh Cơ	TV	xã Xuân Hồng	H. Xuân Trường			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-B-c
Xóm 8	DC	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 16' 35"	106° 19' 55"					F-48-93-B-c
Xóm 9	DC	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 16' 30"	106° 19' 48"					F-48-93-B-c
Xóm 10A	DC	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 16' 24"	106° 19' 50"					F-48-93-B-c
Xóm 10B	DC	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 16' 20"	106° 19' 56"					F-48-93-B-c
Xóm 12A	DC	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 16' 02"	106° 19' 48"					F-48-93-B-c
Xóm 12B	DC	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 16' 06"	106° 19' 56"					F-48-93-B-c
Xóm 13	DC	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 16' 10"	106° 19' 41"					F-48-93-B-c
Xóm 14	DC	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 15' 59"	106° 19' 41"					F-48-93-B-c
Xóm 15	DC	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 15' 45"	106° 19' 42"					F-48-93-B-c
Xóm 16	DC	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 15' 56"	106° 19' 49"					F-48-93-B-c
Xóm 19A	DC	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 15' 38"	106° 19' 41"					F-48-93-B-c
Xóm 19B	DC	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 15' 31"	106° 19' 36"					F-48-93-B-c
Xóm 19C	DC	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 14' 47"	106° 19' 52"					F-48-93-D-a
Cầu Tây	KX	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 14' 26"	106° 19' 47"					F-48-93-D-a
chùa Kiên Lao	KX	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 16' 34"	106° 19' 45"					F-48-93-B-c
đền Kiên Lao	KX	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường	20° 16' 34"	106° 19' 46"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489B	KX	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường			20° 14' 40"	106° 19' 20"	20° 11' 31"	106° 22' 50"	F-48-93-D-a
Đường tỉnh 489C	KX	xã Xuân Kiên	H. Xuân Trường			20° 15' 38"	106° 19' 29"	20° 21' 22"	106° 20' 58"	F-48-93-B-c
phố Bùi Chu	DC	xã Xuân Ngọc	H. Xuân Trường	20° 18' 01"	106° 19' 40"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
thôn Bùi Chu	DC	xã Xuân Ngọc	H. Xuân Trường	20° 18' 28"	106° 19' 42"					F-48-93-B-c
thôn Hạ Linh	DC	xã Xuân Ngọc	H. Xuân Trường	20° 18' 18"	106° 20' 29"					F-48-93-B-c
thôn Liên Thượng	DC	xã Xuân Ngọc	H. Xuân Trường	20° 19' 01"	106° 19' 48"					F-48-93-B-c
thôn Liên Thủy	DC	xã Xuân Ngọc	H. Xuân Trường	20° 18' 36"	106° 20' 01"					F-48-93-B-c
thôn Phú An	DC	xã Xuân Ngọc	H. Xuân Trường	20° 18' 07"	106° 20' 26"					F-48-93-B-c
thôn Trung Lễ	DC	xã Xuân Ngọc	H. Xuân Trường	20° 18' 41"	106° 20' 10"					F-48-93-B-c
thôn Trung Linh	DC	xã Xuân Ngọc	H. Xuân Trường	20° 17' 54"	106° 20' 12"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489	KX	xã Xuân Ngọc	H. Xuân Trường			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489C	KX	xã Xuân Ngọc	H. Xuân Trường			20° 15' 38"	106° 19' 29"	20° 21' 22"	106° 20' 58"	F-48-93-B-c
nhà thờ Chính Tòa Bùi Chu	KX	xã Xuân Ngọc	H. Xuân Trường	20° 18' 32"	106° 19' 40"					F-48-93-B-c
sông Ninh Cơ	TV	xã Xuân Ngọc	H. Xuân Trường			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-B-c
xóm 1 Nghĩa Xá	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 51"	106° 18' 53"					F-48-93-D-a
xóm 1 Xuân Dục	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 13' 51"	106° 18' 16"					F-48-93-D-a
xóm 1-2 Hưng Nhân	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 17"	106° 18' 27"					F-48-93-D-a
xóm 2 Nghĩa Xá	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 39"	106° 18' 51"					F-48-93-D-a
xóm 2 Xuân Dục	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 13' 40"	106° 18' 19"					F-48-93-D-a
xóm 3 Hưng Nhân	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 01"	106° 18' 21"					F-48-93-D-a
xóm 3 Nghĩa Xá	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 42"	106° 18' 45"					F-48-93-D-a
xóm 3 Xuân Dục	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 13' 51"	106° 18' 06"					F-48-93-D-a
xóm 4 Nghĩa Xá	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 55"	106° 18' 43"					F-48-93-D-a
xóm 4 Xuân Dục	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 13' 47"	106° 18' 12"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 5 Xuân Dục	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 13' 35"	106° 18' 11"					F-48-93-D-a
xóm 6 Nghĩa Xá	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 50"	106° 18' 33"					F-48-93-D-a
xóm 7 Nghĩa Xá	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 43"	106° 18' 32"					F-48-93-D-a
xóm 8 Nghĩa Xá	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 15' 04"	106° 18' 25"					F-48-93-B-c
xóm Bắc Sơn	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 15' 43"	106° 19' 01"					F-48-93-B-c
xóm Cống Đá	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 15' 19"	106° 18' 38"					F-48-93-B-c
xóm Đình Phùng	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 15' 25"	106° 18' 58"					F-48-93-B-c
xóm Đông Thắng	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 34"	106° 19' 12"					F-48-93-D-a
xóm Đông Thành	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 15' 40"	106° 19' 16"					F-48-93-B-c
xóm Đông Thịnh	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 15' 34"	106° 19' 11"					F-48-93-B-c
xóm Hoàng Diệu 1	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 15' 17"	106° 19' 15"					F-48-93-B-c
xóm Hoàng Diệu 2	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 15' 15"	106° 19' 01"					F-48-93-B-c
xóm Hưng Đạo	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 15' 38"	106° 19' 05"					F-48-93-B-c
xóm Lam Sơn 1	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 16"	106° 19' 10"					F-48-93-D-a
xóm Lam Sơn 2	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 09"	106° 19' 09"					F-48-93-D-a
xóm Lê Lợi	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 13' 58"	106° 18' 56"					F-48-93-D-a
xóm Múc 2	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 45"	106° 17' 53"					F-48-93-D-a
xóm Nam Lạc 1	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 15' 05"	106° 18' 43"					F-48-93-B-c
xóm Nam Lạc 2	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 15' 01"	106° 18' 55"					F-48-93-B-c
xóm Phố Lạc Quần	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 15' 45"	106° 19' 04"					F-48-93-B-c
xóm Quang Trung	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 13' 43"	106° 19' 06"					F-48-93-D-a
xóm Tân Hòa 1	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 50"	106° 19' 13"					F-48-93-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tân Hòa 2	DC	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 42"	106° 19' 24"					F-48-93-D-a
Cầu Kích	KX	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 44"	106° 19' 13"					F-48-93-D-a
cầu Nghĩa Xá	KX	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 15' 10"	106° 18' 33"					F-48-93-B-c
Chợ Ấp	KX	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 13' 30"	106° 18' 08"					F-48-93-D-a
chùa Nghĩa Xá	KX	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 52"	106° 18' 30"					F-48-93-D-a
Quốc lộ 21	KX	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường			20° 28' 19"	106° 02' 33"	20° 01' 27"	106° 12' 13"	F-48-93-B-c, F-48-93-D-a
Cống Múc	TV	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường	20° 14' 49"	106° 17' 54"					F-48-93-D-a
sông Múc 2	TV	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường			20° 13' 31"	106° 17' 11"	20° 14' 53"	106° 17' 50"	F-48-93-D-a
sông Ninh Cơ	TV	xã Xuân Ninh	H. Xuân Trường			20° 20' 31"	106° 17' 57"	19° 58' 54"	106° 10' 55"	F-48-93-B-c, F-48-93-D-a
Xóm 1	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 56"	106° 20' 56"					F-48-93-B-c
Xóm 2	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 52"	106° 21' 08"					F-48-93-B-c
Xóm 3	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 54"	106° 21' 26"					F-48-93-B-c
Xóm 4	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 40"	106° 21' 22"					F-48-93-B-c
Xóm 5	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 35"	106° 21' 18"					F-48-93-B-c
Xóm 6	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 47"	106° 21' 11"					F-48-93-B-c
Xóm 7	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 34"	106° 21' 01"					F-48-93-B-c
Xóm 8	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 20' 08"	106° 21' 31"					F-48-93-B-c
Xóm 9	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 57"	106° 21' 33"					F-48-93-B-c
Xóm 10	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 53"	106° 21' 45"					F-48-93-B-c
Xóm 11	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 16"	106° 21' 15"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 12	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 22"	106° 21' 23"					F-48-93-B-c
Xóm 13	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 10"	106° 21' 35"					F-48-93-B-c
Xóm 14	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 11"	106° 21' 50"					F-48-93-B-c
Xóm 15	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 24"	106° 21' 51"					F-48-93-B-c
Xóm 16	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 40"	106° 21' 57"					F-48-93-B-c
Xóm 17	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 23"	106° 22' 09"					F-48-93-B-c
Xóm 18	DC	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 08"	106° 22' 20"					F-48-93-B-c
chùa Thọ Vực	KX	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 28"	106° 21' 12"					F-48-93-B-c
đền Thọ Vực	KX	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường	20° 19' 27"	106° 21' 12"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 488	KX	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường			20° 19' 45"	106° 19' 33"	20° 13' 02"	106° 27' 52"	F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489C	KX	xã Xuân Phong	H. Xuân Trường			20° 15' 38"	106° 19' 29"	20° 21' 22"	106° 20' 58"	F-48-93-B-c
xóm Bình Minh	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 18' 01"	106° 23' 59"					F-48-93-B-d
xóm Cố Gắng	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 17' 16"	106° 24' 24"					F-48-93-B-d
xóm Cộng Hòa	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 18' 15"	106° 23' 46"					F-48-93-B-d
xóm Đoàn Kết	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 18' 21"	106° 24' 19"					F-48-93-B-d
xóm Đông Thượng	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 17' 51"	106° 25' 06"					F-48-93-B-d
xóm Giải Phóng	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 17' 51"	106° 25' 32"					F-48-93-B-d
xóm Hạnh Phúc	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 18' 16"	106° 24' 51"					F-48-93-B-d
xóm Hoành Hanh	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 17' 06"	106° 23' 52"					F-48-93-B-d
xóm La Văn Cầu	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 17' 27"	106° 24' 20"					F-48-93-B-d
xóm Quyết Thắng	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 17' 43"	106° 24' 01"					F-48-93-B-d
xóm Tây Nam	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 17' 29"	106° 25' 07"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trưng Nhị	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 17' 52"	106° 24' 13"					F-48-93-B-d
xóm Trung Tiến	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 18' 29"	106° 23' 40"					F-48-93-B-d
xóm Trưng Trắc	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 17' 31"	106° 23' 42"					F-48-93-B-d
xóm Xuân Châu	DC	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường	20° 17' 53"	106° 24' 53"					F-48-93-B-d
Đường tỉnh 488	KX	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường			20° 19' 45"	106° 19' 33"	20° 13' 02"	106° 27' 52"	F-48-93-B-d
Sông Láng	TV	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường			20° 20' 33"	106° 21' 34"	20° 16' 42"	106° 26' 23"	F-48-93-B-d
Sông Sò	TV	xã Xuân Phú	H. Xuân Trường			20° 18' 00"	106° 25' 43"	20° 10' 38"	106° 21' 18"	F-48-93-B-d
Xóm 1	DC	xã Xuân Phương	H. Xuân Trường	20° 18' 11"	106° 21' 56"					F-48-93-B-c
Xóm 2	DC	xã Xuân Phương	H. Xuân Trường	20° 18' 18"	106° 21' 57"					F-48-93-B-c
Xóm 3	DC	xã Xuân Phương	H. Xuân Trường	20° 17' 55"	106° 21' 57"					F-48-93-B-c
Xóm 4	DC	xã Xuân Phương	H. Xuân Trường	20° 18' 01"	106° 22' 06"					F-48-93-B-c
Xóm 5	DC	xã Xuân Phương	H. Xuân Trường	20° 18' 11"	106° 22' 06"					F-48-93-B-c
Xóm 6	DC	xã Xuân Phương	H. Xuân Trường	20° 17' 55"	106° 22' 10"					F-48-93-B-c
Xóm Bắc	DC	xã Xuân Phương	H. Xuân Trường	20° 18' 04"	106° 21' 34"					F-48-93-B-c
Xóm Nam	DC	xã Xuân Phương	H. Xuân Trường	20° 17' 59"	106° 21' 40"					F-48-93-B-c
Vương cung thánh đường Đức Mẹ Vô nhiễm Nguyên tội (nhà thờ Phú Nhai)	KX	xã Xuân Phương	H. Xuân Trường	20° 18' 03"	106° 21' 38"					F-48-93-B-c
Xóm A	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 19' 56"	106° 23' 10"					F-48-93-B-d
Xóm B	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 19' 51"	106° 23' 08"					F-48-93-B-d
Xóm Bắc	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 19' 47"	106° 23' 03"					F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm Cựu	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 19' 55"	106° 22' 41"					F-48-93-B-d
Xóm Đông	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 19' 38"	106° 23' 07"					F-48-93-B-d
xóm Đông An	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 19' 08"	106° 24' 12"					F-48-93-B-d
xóm Liêu Thượng	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 19' 31"	106° 23' 40"					F-48-93-B-d
Xóm Lý	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 20' 21"	106° 22' 14"					F-48-93-B-c
xóm Nam Hòa	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 18' 24"	106° 24' 43"					F-48-93-B-d
xóm Phú Ân	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 18' 56"	106° 24' 26"					F-48-93-B-d
Xóm Quang	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 19' 59"	106° 22' 56"					F-48-93-B-d
Xóm Tây	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 19' 40"	106° 22' 52"					F-48-93-B-d
Xóm Trần	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 20' 06"	106° 22' 46"					F-48-93-B-d
Xóm Trung	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 19' 41"	106° 22' 55"					F-48-93-B-d
xóm Văn Phú	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 18' 41"	106° 24' 24"					F-48-93-B-d
Xóm Võ	DC	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 20' 14"	106° 23' 17"					F-48-93-B-d
bến khách ngang sông Liêu Đông	KX	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 20' 17"	106° 23' 40"					F-48-93-B-d
bến khách ngang sông Ngô Đồng	KX	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 18' 02"	106° 25' 51"					F-48-93-B-d
Cầu Láng	KX	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 19' 46"	106° 22' 41"					F-48-93-B-d
cầu Tài Đức (Cầu Tài)	KX	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường	20° 18' 36"	106° 24' 23"					F-48-93-B-d
Đường tỉnh 488	KX	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường			20° 19' 45"	106° 19' 33"	20° 13' 02"	106° 27' 52"	F-48-93-B-d
Sông Hồng	TV	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-d
Sông Láng	TV	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường			20° 20' 33"	106° 21' 34"	20° 16' 42"	106° 26' 23"	F-48-93-B-c, F-48-93-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Sò	TV	xã Xuân Tân	H. Xuân Trường			20° 18' 00"	106° 25' 43"	20° 10' 38"	106° 21' 18"	F-48-93-B-d
Xóm 1	DC	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường	20° 20' 42"	106° 20' 42"					F-48-93-B-c
Xóm 2	DC	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường	20° 20' 37"	106° 20' 54"					F-48-93-B-c
Xóm 3	DC	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường	20° 20' 35"	106° 21' 04"					F-48-93-B-c
Xóm 4	DC	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường	20° 20' 49"	106° 21' 14"					F-48-93-B-c
Xóm 5	DC	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường	20° 21' 06"	106° 21' 04"					F-48-93-B-c
Xóm 6	DC	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường	20° 20' 36"	106° 21' 23"					F-48-93-B-c
Xóm 7	DC	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường	20° 20' 48"	106° 21' 36"					F-48-93-B-c
Xóm 8	DC	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường	20° 20' 37"	106° 21' 47"					F-48-93-B-c
Xóm 9	DC	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường	20° 20' 28"	106° 22' 02"					F-48-93-B-c
Xóm 10	DC	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường	20° 20' 11"	106° 22' 09"					F-48-93-B-c
Xóm 11	DC	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường	20° 20' 27"	106° 22' 21"					F-48-93-B-c
Xóm 12	DC	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường	20° 20' 25"	106° 22' 52"					F-48-93-B-d
cầu Cát Xuyên	KX	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường	20° 20' 33"	106° 21' 33"					F-48-93-B-c
chợ Cát Xuyên	KX	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường	20° 20' 30"	106° 21' 31"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 488	KX	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường			20° 19' 45"	106° 19' 33"	20° 13' 02"	106° 27' 52"	F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489C	KX	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường			20° 15' 38"	106° 19' 29"	20° 21' 22"	106° 20' 58"	F-48-93-B-c
Sông Hồng	TV	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường			20° 29' 09"	106° 10' 53"	20° 15' 05"	106° 35' 06"	F-48-93-B-c, F-48-93-B-d
Sông Láng	TV	xã Xuân Thành	H. Xuân Trường			20° 20' 33"	106° 21' 34"	20° 16' 42"	106° 26' 23"	F-48-93-B-c
xóm Đội 1	DC	xã Xuân Thượng	H. Xuân Trường	20° 21' 10"	106° 19' 31"					F-48-93-B-c
xóm Đội 2	DC	xã Xuân Thượng	H. Xuân Trường	20° 21' 00"	106° 19' 33"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đội 3	DC	xã Xuân Thượng	H. Xuân Trường	20° 20' 37"	106° 19' 51"					F-48-93-B-c
xóm Đội 4	DC	xã Xuân Thượng	H. Xuân Trường	20° 20' 15"	106° 19' 42"					F-48-93-B-c
xóm Đội 5	DC	xã Xuân Thượng	H. Xuân Trường	20° 19' 56"	106° 19' 36"					F-48-93-B-c
xóm Đội 6	DC	xã Xuân Thượng	H. Xuân Trường	20° 20' 25"	106° 20' 11"					F-48-93-B-c
xóm Đội 7	DC	xã Xuân Thượng	H. Xuân Trường	20° 20' 26"	106° 20' 17"					F-48-93-B-c
xóm Đội 8	DC	xã Xuân Thượng	H. Xuân Trường	20° 20' 31"	106° 20' 10"					F-48-93-B-c
xóm Đội 9	DC	xã Xuân Thượng	H. Xuân Trường	20° 20' 58"	106° 20' 14"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489	KX	xã Xuân Thượng	H. Xuân Trường			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489C	KX	xã Xuân Thượng	H. Xuân Trường			20° 15' 38"	106° 19' 29"	20° 21' 22"	106° 20' 58"	F-48-93-B-c
Xóm 1	DC	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 19' 59"	106° 20' 21"					F-48-93-B-c
Xóm 2	DC	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 19' 53"	106° 20' 25"					F-48-93-B-c
Xóm 3	DC	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 19' 59"	106° 20' 29"					F-48-93-B-c
Xóm 4	DC	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 20' 02"	106° 20' 39"					F-48-93-B-c
Xóm 5	DC	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 19' 56"	106° 20' 40"					F-48-93-B-c
Xóm 6	DC	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 19' 53"	106° 20' 37"					F-48-93-B-c
Xóm 7	DC	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 19' 22"	106° 20' 35"					F-48-93-B-c
Xóm 8	DC	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 19' 25"	106° 20' 17"					F-48-93-B-c
Xóm 9	DC	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 19' 23"	106° 20' 22"					F-48-93-B-c
Xóm 10	DC	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 19' 13"	106° 20' 23"					F-48-93-B-c
Xóm 11	DC	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 19' 03"	106° 20' 27"					F-48-93-B-c
Xóm 12	DC	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 18' 25"	106° 20' 40"					F-48-93-B-c
Xóm 13	DC	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 18' 51"	106° 20' 49"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 14	DC	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 19' 08"	106° 20' 55"					F-48-93-B-c
chùa Hoành Quán	KX	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 18' 46"	106° 20' 45"					F-48-93-B-c
đền Xuân Hy	KX	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường	20° 18' 52"	106° 20' 27"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 488	KX	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường			20° 19' 45"	106° 19' 33"	20° 13' 02"	106° 27' 52"	F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489C	KX	xã Xuân Thủy	H. Xuân Trường			20° 15' 38"	106° 19' 29"	20° 21' 22"	106° 20' 58"	F-48-93-B-c
Xóm 1	DC	xã Xuân Tiến	H. Xuân Trường	20° 16' 40"	106° 20' 38"					F-48-93-B-c
Xóm 2	DC	xã Xuân Tiến	H. Xuân Trường	20° 16' 48"	106° 20' 21"					F-48-93-B-c
Xóm 3	DC	xã Xuân Tiến	H. Xuân Trường	20° 16' 27"	106° 20' 26"					F-48-93-B-c
Xóm 4	DC	xã Xuân Tiến	H. Xuân Trường	20° 16' 18"	106° 20' 29"					F-48-93-B-c
Xóm 5	DC	xã Xuân Tiến	H. Xuân Trường	20° 16' 30"	106° 20' 10"					F-48-93-B-c
Xóm 6	DC	xã Xuân Tiến	H. Xuân Trường	20° 16' 19"	106° 20' 06"					F-48-93-B-c
Xóm 7	DC	xã Xuân Tiến	H. Xuân Trường	20° 16' 13"	106° 20' 14"					F-48-93-B-c
Xóm 8	DC	xã Xuân Tiến	H. Xuân Trường	20° 16' 08"	106° 20' 10"					F-48-93-B-c
Xóm 9	DC	xã Xuân Tiến	H. Xuân Trường	20° 16' 13"	106° 20' 02"					F-48-93-B-c
Xóm 10	DC	xã Xuân Tiến	H. Xuân Trường	20° 16' 10"	106° 20' 23"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489C	KX	xã Xuân Tiến	H. Xuân Trường			20° 15' 38"	106° 19' 29"	20° 21' 22"	106° 20' 58"	F-48-93-B-c
Xóm 1	DC	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường	20° 17' 41"	106° 21' 33"					F-48-93-B-c
Xóm 2	DC	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường	20° 17' 37"	106° 21' 31"					F-48-93-B-c
Xóm 3	DC	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường	20° 17' 33"	106° 21' 26"					F-48-93-B-c
Xóm 4	DC	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường	20° 17' 20"	106° 21' 27"					F-48-93-B-c
Xóm 5	DC	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường	20° 17' 15"	106° 21' 35"					F-48-93-B-c
Xóm 6	DC	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường	20° 17' 25"	106° 21' 35"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 7	DC	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường	20° 17' 36"	106° 21' 39"					F-48-93-B-c
Xóm 8	DC	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường	20° 17' 40"	106° 21' 51"					F-48-93-B-c
Xóm 9	DC	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường	20° 17' 47"	106° 21' 44"					F-48-93-B-c
Xóm 10	DC	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường	20° 17' 42"	106° 21' 55"					F-48-93-B-c
Xóm 11	DC	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường	20° 17' 29"	106° 21' 59"					F-48-93-B-c
cầu Nam Điền A	KX	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường	20° 16' 48"	106° 22' 07"					F-48-93-B-c
cầu Nam Điền B	KX	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường	20° 16' 45"	106° 22' 28"					F-48-93-B-c
chùa Xuân Trung	KX	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường	20° 18' 20"	106° 21' 42"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489	KX	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-93-B-c
Sông Sò	TV	xã Xuân Trung	H. Xuân Trường			20° 18' 00"	106° 25' 43"	20° 10' 38"	106° 21' 18"	F-48-93-B-c
Xóm 1	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 17' 15"	106° 21' 20"					F-48-93-B-c
Xóm 2	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 44"	106° 21' 15"					F-48-93-B-c
Xóm 3	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 39"	106° 21' 14"					F-48-93-B-c
Xóm 4	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 43"	106° 21' 23"					F-48-93-B-c
Xóm 5	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 32"	106° 21' 15"					F-48-93-B-c
Xóm 6	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 30"	106° 21' 24"					F-48-93-B-c
Xóm 7	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 39"	106° 21' 21"					F-48-93-B-c
Xóm 8	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 26"	106° 21' 20"					F-48-93-B-c
Xóm 9	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 19"	106° 21' 18"					F-48-93-B-c
Xóm 10	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 12"	106° 21' 18"					F-48-93-B-c
Xóm 11A	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 31"	106° 22' 02"					F-48-93-B-c
Xóm 11B	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 36"	106° 22' 08"					F-48-93-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Xóm 12	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 16"	106° 21' 58"					F-48-93-B-c
Xóm 13	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 07"	106° 21' 30"					F-48-93-B-c
Xóm 14	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 15' 59"	106° 21' 45"					F-48-93-B-c
Xóm 15	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 15' 52"	106° 21' 36"					F-48-93-B-c
Xóm 16	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 15' 32"	106° 21' 49"					F-48-93-B-c
Xóm 17	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 15' 24"	106° 21' 42"					F-48-93-B-c
Xóm 18	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 15' 17"	106° 21' 41"					F-48-93-B-c
Xóm 19	DC	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 14' 55"	106° 21' 34"					F-48-93-D-a
cầu Nam Điền A	KX	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 48"	106° 22' 07"					F-48-93-B-c
cầu Nam Điền B	KX	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 45"	106° 22' 28"					F-48-93-B-c
đền An Cư	KX	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường	20° 16' 35"	106° 21' 18"					F-48-93-B-c
Đường tỉnh 489	KX	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường			20° 22' 17"	106° 20' 31"	20° 14' 42"	106° 34' 09"	F-48-93-B-c
Sông Sò	TV	xã Xuân Vinh	H. Xuân Trường			20° 18' 00"	106° 25' 43"	20° 10' 38"	106° 21' 18"	F-48-93-B-c, F-48-93-D-a

(Xem tiếp Công báo số 677 + 678)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng